



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

ANH HÙNG

NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ
TẬP 3



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

ANH HÙNG
NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ
TẬP 3

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng
PGS.TS. PHẠM VĂN LINH

Phó Chủ tịch Hội đồng
PHẠM CHÍ THÀNH

Thành viên
TRẦN QUỐC DÂN
TS. NGUYỄN ĐỨC TÀI
TS. NGUYỄN AN TIÊM
NGUYỄN VŨ THANH HẢO

TRUNG TÂM THÔNG TIN VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC
PGS. TS. NGUYỄN NGỌC THANH
(Chủ biên)

ANH HÙNG
NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ
TẬP 3

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2016

CÁC TÁC GIẢ

NGUYỄN NGỌC THANH (Chủ biên)

NGÔ THỊ CHANG

PHAN THỊ HẰNG

NGUYỄN LINH HƯƠNG

LÊ THỊ KIM OANH

NGUYỄN THANH TÙNG

PHẠM HÀ XUYỀN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Thế kỷ XX, đất nước ta đã phải trải qua các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, chiến tranh biên giới Tây Nam, chiến tranh biên giới phía Bắc để bảo vệ Tổ quốc. Trong các cuộc chiến tranh ấy, đồng bào dân tộc thiểu số đã có những đóng góp vô cùng to lớn. Bất chấp hiểm nguy, đã hòa mình vào công cuộc kháng chiến kiến quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hàng vạn thanh niên các dân tộc thiểu số đã lên đường nhập ngũ, tham gia lực lượng dân quân tự vệ. Trong các bản làng, bà con nuôi giấu và bảo vệ cán bộ, bộ đội; tham gia tiểu phi, trừ gian, bố phòng chiến đấu, chống càn, phục vụ hậu cần cho chiến trận. Từ đó, đã xuất hiện nhiều tấm gương trung kiên, tiêu biểu sẵn sàng xả thân vì lý tưởng cách mạng, mãi mãi là niềm tự hào của dân tộc. Nhiều chiến sĩ là người dân tộc thiểu số đã được phong tặng, truy tặng danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Trong lao động, sản xuất cũng xuất hiện những Anh hùng Lao động ở các nhà máy, xí nghiệp, hợp tác xã, công trường nông - lâm nghiệp,... là con em của đồng bào dân tộc thiểu số. Họ tích cực tăng gia sản

xuất, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, cải thiện cuộc sống trên quê hương, đóng góp nghĩa vụ với nhà nước, cổ vũ, khích lệ bà con dân tộc miền núi cùng nhau đoàn kết vươn lên.

Trân trọng công lao, đóng góp của các Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động đối với sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản bộ sách ***Anh hùng người dân tộc thiểu số*** gồm 3 tập, do PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh - Trung tâm Thông tin văn hóa các dân tộc làm chủ biên.

Nội dung cuốn sách không chỉ là sự tri ân đối với các anh hùng dân tộc thiểu số, mà còn có ý nghĩa giáo dục truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng và lao động sản xuất đối với thế hệ trẻ ngày nay.

Để bạn đọc thuận tiện theo dõi, tên các nhân vật được sắp xếp theo vần chữ cái tiếng Việt. Tập 1 gồm tên các nhân vật từ chữ cái A đến chữ cái K; tập 2 gồm tên các nhân vật từ chữ cái L đến chữ cái S; tập 3 gồm tên các nhân vật từ chữ cái T đến chữ cái Y.

Xin giới thiệu bộ sách cùng bạn đọc.

Tháng 7 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Là một đất nước có diện tích không lớn, song Việt Nam luôn phải hứng chịu những cuộc chiến tranh khốc liệt trong suốt chiều dài lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Để có nền hòa bình, độc lập ngày nay, biết bao xương máu của thế hệ người con các dân tộc trên đất nước Việt Nam đã phải đổ xuống. Trải qua các cuộc chiến tranh, tinh thần yêu nước, ý chí quật cường luôn được thắp sáng trong mỗi người con đất Việt, không kể vùng miền, thành phần dân tộc. Cũng từ những cuộc chiến tranh đó, nhiều người con đã trở thành những anh hùng, những tấm gương sáng cho các thế hệ con em mai sau.

Trong thời kỳ lịch sử hiện đại, trải qua các cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược hay chiến tranh biên giới Tây Nam, chiến tranh biên giới phía Bắc, nhiều tấm gương anh dũng của các chiến sĩ trên khắp các mặt trận đã được ghi nhận, trong số đó có nhiều chiến sĩ là những người con của đồng bào các dân tộc thiểu số. Trong mỗi cuộc chiến, ở các địa phương, lực

lượng dân quân tự vệ là người dân tộc thiểu số đã phát triển nhanh. Hàng vạn thanh niên các dân tộc lên đường nhập ngũ. Các chiến sĩ dân tộc thiểu số đã hòa vào dòng người “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, đã vượt lên mất mát, hy sinh, tham gia kháng chiến với nhiều hình thức phong phú, cả trực tiếp và gián tiếp, cả ở vùng căn cứ, vùng tự do cũng như vùng địch hậu; tham gia trừ gian, bố phòng chiến đấu, chống càn, phục vụ hậu cần cho chiến trận. Trong chiến đấu, đồng bào các dân tộc thiểu số luôn ngoan cường, lập nhiều chiến công oanh liệt. Nhiều người đã hiến dâng cả xương máu vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc. Cũng từ trong cuộc chiến đấu ấy, đã xuất hiện nhiều tấm gương trung kiên, tiêu biểu, mãi mãi là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam như các anh hùng: La Văn Cầu, Bế Văn Đàn, Nông Văn Dền... cùng hàng vạn liệt sĩ đã anh dũng hy sinh. Nhiều chiến sĩ là người dân tộc thiểu số đã được phong tặng danh hiệu “Anh hùng quân đội”, “Dũng sĩ diệt Mỹ”.

Trong các cuộc chiến tranh vĩ đại chống lại thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, chiến tranh biên giới Tây Nam, chiến tranh biên giới phía Bắc, đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng miền núi luôn tự hào bởi những điều thật đặc biệt: Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - tiên thân của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng

được thành lập giữa vùng miền núi Cao Bằng, với các thành viên đa số là đồng bào các dân tộc thiểu số. Anh hùng Lực lượng vũ trang đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam là một người dân tộc Tày - đồng chí La Văn Cầu. Chiến thắng Điện Biên Phủ - chiến thắng quan trọng nhất và là chiến thắng cuối cùng quyết định đánh bại thực dân Pháp đã diễn ra ở vùng miền núi. Chiến thắng Buôn Ma Thuột năm 1975 - chiến thắng đầu tiên nhưng tạo điều kiện để Đảng ta quyết định mở chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng miền Nam cũng xuất phát ở vùng đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Những minh chứng đó khẳng định: công lao và cống hiến của quân dân đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn vùng dân tộc miền núi - căn cứ địa cách mạng kháng chiến của dân tộc đã đóng góp vô cùng to lớn vào cuộc chiến đấu chung; là sự chia sẻ, gánh vác trách nhiệm chung và đã góp phần vào thắng lợi vẻ vang trước thử thách sống còn của đất nước Việt Nam anh hùng.

Giờ đây, sau hơn 40 năm miền Nam giải phóng, thống nhất đất nước, đồng bào các dân tộc thiểu số đang chung tay cùng với đồng bào cả nước trong công cuộc xây dựng đất nước trên mọi phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bộ sách *Anh hùng người dân tộc thiểu số* gồm 3 tập sẽ đem đến cho bạn đọc những thông tin cụ thể về những người con ưu tú đại diện cho tinh thần, ý chí chiến đấu bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước của đồng bào các dân tộc thiểu số. Biên soạn bộ sách này, chúng tôi hy vọng sẽ đem đến cho bạn đọc những hiểu biết nhất định về thân thế cũng như thành tích của các anh hùng người dân tộc thiểu số. Qua đó, sẽ giúp cho bạn đọc, nhất là thế hệ trẻ thêm yêu Tổ quốc, sống và cống hiến hết mình cho sự nghiệp phồn vinh của đất nước.

Trong bộ sách này, chúng tôi sắp xếp tên các anh hùng dân tộc thiểu số theo vần A, B, C,... để tiện cho việc tra cứu thông tin của bạn đọc.

Mặc dù chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong thu thập các nguồn tư liệu, nhưng không thể tránh khỏi những thiếu sót. Ban biên soạn mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của bạn đọc để bộ sách được hoàn thiện và đầy đủ hơn trong lần xuất bản sau.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

BAN BIÊN SOẠN

VÀNG LÝ TẢ

Anh hùng Vàng Lý Tả sinh năm 1926, là người dân tộc Mông, quê ở xã Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Khi hy sinh, anh là liên lạc viên của huyện.

Năm 1947, dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng, Vàng Lý Tả đã tích cực hoạt động cùng với cán bộ kháng chiến. Suốt 5 năm hoạt động (1947 - 1951), Vàng Lý Tả đã vận động các gia đình nuôi giấu cán bộ và trở thành cơ sở cách mạng.

Trong thời gian làm liên lạc, chạy công văn, thư từ bí mật từ huyện đến xã, Vàng Lý Tả luôn được cán bộ tin cậy, không bao giờ để mất mát, nhầm lẫn tài liệu. Không chỉ làm liên lạc, anh còn kết hợp đi thu thập tin tức hoạt động của địch về báo cáo cho cơ sở, vì vậy cơ sở hoạt động có hiệu quả, an toàn.

Tháng 8-1951, do bị chỉ điểm, Vàng Lý Tả bị địch bắt. Chúng tra tấn anh cực kỳ dã man (dội nước sôi vào đầu, tẩm dầu vào tay đốt, nhúng tay vào axít...) nhưng Vàng Lý Tả không hề hé răng

khai báo, quyết bảo vệ cách mạng, bảo vệ nhân dân. Không khuất phục được, giặc đem anh đi xử bắn. Vàng Lý Tả đã anh dũng hy sinh.

Ngày 11-6-1999, Vàng Lý Tả được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân¹.

1. Xem Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương: *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, t.I, tr.240.

LỘC VIỄN TÀI

Anh hùng liệt sĩ Lộc Viễn Tài sinh năm 1940, là người dân tộc Tày, quê ở xã Vĩ Thượng, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, công tác tại Đồn 155, Công an nhân dân vũ trang Hà Tuyên, giữ chức vụ Đồn trưởng Đồn 155.

Khi cuộc chiến tranh biên giới nổ ra, Lộc Viễn Tài đang công tác tại đồn Công an nhân dân vũ trang biên phòng Lũng Làn (Đồn 155) tại vùng biên giới thuộc hai xã Sơn Vĩ và Sìn Cái, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Tuyên.

Sáng ngày 17-2-1979, hai tiểu đoàn bộ binh địch dồn dập bắn pháo cối dọn đường, theo đường mốc 138 và 140 ồ ạt tấn công Đồn 155. Lộc Viễn Tài chỉ huy mũi chính diện, trực tiếp bắn đại liên vào đội hình địch. Phát hiện 3 tên chỉ huy của địch, Lộc Viễn Tài đã lệnh cho cối bắn và tiêu diệt chúng. Đơn vị bẻ gãy nhiều đợt tấn công của địch, tiêu diệt và làm bị thương gần 100 tên, tạo điều kiện cho hai mũi khác diệt, làm bị thương gần 100 tên nữa. Bị thiệt hại nặng, địch cho bộ binh lui ra

để củng cố đội hình, đồng thời cho pháo bắn cấp tập vào trận địa ta. Nhưng khi bộ binh địch lại xông lên, chúng đã bị cán bộ, chiến sĩ Đồn biên phòng 155 đánh bật ra.

Ngày 5-3-1979, địch tập trung lực lượng quyết chiếm Đồn 155 và cao điểm 1379 của ta. Chúng cho pháo bắn trước, sau dùng bộ binh chia thành nhiều mũi ồ ạt tấn công, nhưng bị quân ta chống trả quyết liệt và đánh bật ra. Địch buộc phải tăng cường lực lượng. Lợi dụng thời tiết nhiều sương mù, Lộc Viễn Tài tổ chức lực lượng phục kích, dồn địch vào trận địa đã được bố trí hầm chông, bãi mìn gài sẵn, tiêu diệt nhiều tên địch, buộc chúng phải rút quân để củng cố đội hình. Trong trận chiến chống lại đợt tấn công tiếp theo, Lộc Viễn Tài đã chỉ huy một tổ chặn đánh từ xa, chia cắt đội hình địch ra từng mảng để dễ tiêu diệt. Nhưng quân địch quá đông, đạn sắp hết, anh lệnh cho hai chiến sĩ rút lui, còn mình dùng những viên đạn cuối cùng ghìm chân địch, bảo vệ đồng đội. Trong tay còn hai quả lựu đạn, Lộc Viễn Tài chờ địch đến gần, giật nụ xòe, ném vào đội hình địch, tiêu diệt và làm bị thương gần chục tên, còn anh đã anh dũng hy sinh. Trong các trận chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc riêng anh đã diệt và làm bị thương 91 tên.

Khi hy sinh, Lộc Viễn Tài là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, mang quân hàm Thượng úy.

Tên anh cùng 16 cán bộ, chiến sĩ Đồn 155 hy sinh trong những năm bảo vệ biên giới đã được khắc trên bia đá đặt gần đồn biên phòng Lũng Làn để người dân đời đời tưởng nhớ công ơn¹.

Lộc Viễn Tài được truy tặng Huân chương Quân công hạng Ba. Ngày 19-12-1979, Lộc Viễn Tài được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

1. Xem <http://thanhnien.vn/thoi-su/bien-cuong-noi-anh-nga-xuong-ky-2-noi-nui-da-khac-ten-436609.html>

THANH MINH TÁM

Anh hùng Thanh Minh Tám (A Núk) sinh năm 1935, là người dân tộc Hrê, quê ở xã Hiếu, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, Trung đội trưởng, Đại đội phó đặc công, Khu 9 Gia Lai.

Mới 15 tuổi, Thanh Minh Tám đi theo cách mạng, ba năm liền làm liên lạc cho huyện đội, anh không quản ngại vất vả, khó khăn, liên tục chuyển công văn, chỉ thị của huyện xuống cơ sở một cách an toàn.

Tháng 9-1953, Thanh Minh Tám vào bộ đội huyện. Năm 1954 được tập kết ra Bắc, đi học đặc công đến tháng 8-1960, anh trở về quê hương tham gia chiến đấu ở đại đội đặc công, làm Tiểu đội phó.

Trong 6 năm, 1960-1966, Thanh Minh Tám đã đánh và chỉ huy đơn vị chiến đấu tại chiến trường Gia Lai, trưởng thành từ tiểu đội lên đại đội phó. Anh đã chỉ huy đơn vị đánh 16 trận lớn, nhỏ, cùng đơn vị diệt 3 trung đội bảo an, 2 tiểu đội dân vệ, 1 đoàn bình định và 42 lính Mỹ. Đặc biệt trong trận

đánh vào sân bay Plâyku, Thanh Minh Tám đã chỉ huy đơn vị phá 42 máy bay, diệt 70 lính Mỹ. Riêng anh diệt 22 tên, thu 13 súng các loại, 3 máy bay thông tin PRC10, 1 thùng đạn, đánh sập 1 nhà, diệt tên đại tá Mỹ chỉ huy sân bay, phá hủy 8 máy bay¹.

Anh đã được tặng Huân chương Chiến công hạng Nhất, 7 bằng khen và giấy khen Dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú, Dũng sĩ diệt máy bay.

Ngày 17-9-1967, Thanh Minh Tám được Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

1. Xem “24 đơn vị anh hùng và 46 cá nhân Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam vừa được phong tặng”, Báo *Quân đội nhân dân*, số 2291, ngày 13-10-1967, tr.3.

PI NĂNG TẮC

Anh hùng Pi Năng Tắc sinh năm 1910, là người dân tộc Raglai, quê ở xã Phước Thành (nay thuộc huyện Bác Ái), huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, Chính trị viên phó Huyện đội.

Anh tham gia cách mạng vào năm 1946. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Pi Năng Tắc luôn chiến đấu hết mình, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Năm 1956, khi Mỹ - Diệm tiến hành dồn dân hai thôn của xã Phước Thành về khu tập trung. Năm 1958, Pi Năng Tắc trốn khỏi làng lên ở suốt sáu tháng trong rừng, lượn qua hoang rậm, trèo qua các dãy núi đá để liên lạc với các đồng chí đang hoạt động cách mạng. Ngày 30 Tết năm Kỷ Hợi 1959, Pi Năng Tắc cùng du kích quân và đồng bào thiếu số đã tập hợp lực lượng lên đến 5.000 người, dùng vũ khí thô sơ đánh phá, đốt cháy các khu tập trung của địch. Anh đã tổ chức cho bà con kéo về làng cũ, lại cấy cày, chăn nuôi và

huấn luyện các kỹ thuật chiến đấu để sẵn sàng chống lại các trận càn điên cuồng của giặc “cú vọ xâm lăng”.

Sau đợt này, địch nghi ngờ, theo dõi gắt gao nên tổ chức buộc phải điều Pi Năng Tắc về hoạt động ở xã Phước Bình. Ở đây, cơ sở ta yếu, lại bị tề ngụy đàn áp, kích động mâu thuẫn giữa các dân tộc, tách dân tộc Churu rời xuống khu tập trung, còn dân tộc Raglai ở trên núi... Trong hoàn cảnh ấy, Pi Năng Tắc đã kiên trì tuyên truyền, thuyết phục nhân dân, khi thì lên núi ở với người Raglai, khi thì xuống khu tập trung ở với người Churu, vạch rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, phân giải các mối bất hòa. Nhờ những nỗ lực của Pi Năng Tắc mà đến tháng 6-1960 đã có hơn 280 đồng bào¹ bỏ khu “tập trung Tâm Ngân” trở về làng cũ làm ăn. Sau một thời gian, bà con hai dân tộc đã đoàn kết, họ cùng nhau tổ chức lễ uống rượu ăn thề giúp nhau sản xuất và đấu tranh chống địch. Ngoài ra, Pi Năng Tắc còn xây dựng được hai cơ sở bí mật hoạt động trong xã và vận động được ba tề điệp bỏ hàng ngũ địch về với cách mạng. Thấy quần chúng đã giác ngộ, anh cùng nhân dân phá khu tập trung, đưa đồng bào

1. Xem “Anh hùng quân đội Pi Năng Tắc - 20 năm trời kiên trì sản xuất và chiến đấu”, Báo *Quân đội nhân dân*, số 1524, ngày 25-5-1965, tr.3.

lên núi, thành lập đội du kích, vót chông, gài mìn, đào hầm, rào làng ngăn chặn và đánh địch.

Trong chiến đấu, Pi Năng Tắc đã có rất nhiều sáng kiến đánh giặc, trong đó phải kể đến bẫy đá. Anh cho đào vách núi, dựng các cây gỗ lớn làm giàn, xếp đá lên trên, có lấy tre gỗ, khi giật lấy là cả núi đá hộc lăn xuống giết giặc. Anh cho làm các bẫy nổ, các mũi tên ẩn trong các tán lá, hễ có “động” là lập tức các mũi tên tre có tẩm thuốc độc bắn ra như mưa. Trong các tán rừng, còn có hệ thống tre nứa vót nhọn liên kết với nhau thành bè mảng buộc thêm đá hộc thật nặng, khi giật lấy là chúng bay ra, cắm phập cả một giàn, một phen vào kẻ thù. Có khi một giàn chông xiên cả chục tên giặc một “nhát”. Trên mặt đất, họ đào sẵn các hố sâu, rải lá mục và cây rừng ngụy trang lên trên, khi giặc dẫm lên lá mục, tên từ lòng đất bay lên như mưa, tên từ trên tán rừng dội xuống vun vút, đặc biệt kinh hoàng là đá hộc to bằng cả gian nhà lăn như trời long đất lở... Liên tiếp các trận càn của giặc bị nghĩa quân Pi Năng Tắc bẻ gãy.

Tháng 5-1960, địch càn lên núi bị du kích đánh, diệt và làm bị thương 20 tên buộc chúng phải rút chạy. Trận chống càn năm 1962, một tiểu đoàn lính ngụy, một đại đội lính bảo an, rồi cả lính Mỹ cùng tổ chức trận càn lớn lên Phước Bình, quyết tiêu diệt “đám giặc cỏ” lẫn lút trong rừng

sâu. Từ trên núi cao, 3 tổ du kích đã được Pi Năng Tắc bố trí lừa, dụ địch vào ổ phục kích, 17 bẫy đá, nhiều mang cung, hầm chông và hàng vạn mũi tên tẩm thuốc độc đã ra sức tiêu diệt địch. Hơn 100 tên chết thảm, ta thu về chiến lợi phẩm là 5.000 viên đạn, 27 khẩu súng, nhiều quân trang quân dụng khác.

Tháng 5-1961, giặc lại càn lần thứ hai với 350 tên, có máy bay, đại bác yểm hộ. Pi Năng Tắc cùng đồng đội chờ cho địch lọt vào ổ phục kích rồi dùng cung tên, bẫy đá tiêu diệt chúng. Cuộc chiến đấu diễn ra suốt 3 tiếng đồng hồ từ 13 giờ đến 16 giờ chiều. Trong trận chống càn này, du kích đã diệt và làm bị thương 80 tên¹.

Ngoài ra, Pi Năng Tắc còn có nhiều thành tích trong việc vận động phong trào sản xuất tự túc, xây dựng cuộc sống mới.

Ngày 5-5-1965, Pi Năng Tắc được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quân công giải phóng hạng Nhì và danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

1. Xem “Anh hùng quân đội Pi Năng Tắc - 20 năm trời kiên trì sản xuất và chiến đấu”, Báo *Quân đội nhân dân*, số 1524, *Tlđđ*, tr.3.

HOÀNG VĂN TẮM

Anh hùng liệt sĩ Hoàng Văn Tắm là người dân tộc Thái, sinh năm 1958 tại xã Lay Nưa, huyện Mường Lay, tỉnh Lai Châu (nay là xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên).

Tháng 10-1975, Hoàng Văn Tắm tốt nghiệp chương trình nghiệp vụ công an, được điều về công tác tại Phòng Cảnh sát bảo vệ, Ty Công an Lai Châu và được đề bạt làm Tiểu đội trưởng.

Tháng 2-1979, chiến tranh biên giới phía Bắc xảy ra. Lúc này, với cương vị là Trung đội phó, Hoàng Văn Tắm đã cùng các đồng đội trong đơn vị vận động quần chúng chuẩn bị tinh thần sẵn sàng sơ tán về tuyến sau. Trong trận chiến đấu bảo vệ chốt C5, trước sự tấn công quyết liệt của địch, Hoàng Văn Tắm đã cùng đồng đội chặn đứng nhiều đợt tấn công của chúng, riêng đồng chí đã tiêu diệt trên 10 tên địch và làm bị thương nhiều tên khác. Trong trận chiến này, Hoàng Văn Tắm và các đồng đội đã giữ vững được chốt, nhưng do lực lượng quá chênh lệch,

đồng chí đã anh dũng hy sinh ngay tại chiến hào ngày 6-3-1979.

Ngày 13-8-1980, Hoàng Văn Tắm được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Khi hy sinh đồng chí là Trung đội phó thuộc Tiểu đoàn Cảnh sát bảo vệ cơ động Công an tỉnh Lai Châu.

NGUYỄN VĂN TẤN

Anh hùng Nguyễn Văn Tấn là người dân tộc Tày, sinh năm 1942, tại xã Hà Vị, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, Chuẩn úy, Trung đội trưởng sửa chữa xe tăng thuộc Đại đội 201, Tổng cục Hậu cần.

Từ năm 1967 đến năm 1973, Nguyễn Văn Tấn làm nhiệm vụ sửa chữa xe tăng, xe xích cho các đơn vị chiến đấu ở Khu 4, Quảng Trị, đường 9 - Nam Lào. Mặc dù địch đánh phá ác liệt, anh vẫn thường xuyên theo sát các đơn vị chiến đấu để sửa chữa xe. Bất kỳ lúc nào gặp xe hỏng mà cần sửa gấp là anh làm ngay. Hàng chục lần đang sửa thì máy bay địch đến bắn phá, anh vẫn bình tĩnh thực hiện nhiệm vụ; ba lần bom nổ, bị đất đá vùi lấp, ngất đi, khi tỉnh dậy anh lại tiếp tục công việc. Anh chỉ huy trung đội sửa chữa được 150 lần chiếc xe tăng, xe xích. Riêng anh sửa 60 lần chiếc xe, phục vụ kịp thời cho chiến đấu.

Mặc dù là thợ sửa chữa điện xe nhưng do chịu khó học hỏi, anh đã sửa chữa giỏi nhiều bộ phận khác của xe tăng, xe xích (cả của ta và của địch)

và lái thành thạo các loại xe. Đặc biệt, Nguyễn Văn Tấn luôn tích cực phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, trong đó có rất nhiều sáng kiến đã được phổ biến trong các đơn vị nhờ đó mà các đơn vị sửa chữa xe tăng ngày càng đạt được hiệu quả cao trong công tác, như: nghiên cứu cải tiến ly hợp của xe D-350 thay thế cho xe PT-C bảo đảm tốt; cải tiến rà nắm xe AT-C trước đây hai người làm mất 36 giờ, nay một người làm trong 20 giờ; trước kia muốn kéo bánh tì xe AT-R thông thường phải dùng búa đóng, nay anh làm thêm một bộ phận tăng giảm xích, tạo thành một cái van tháo bánh tì, đưa năng suất tăng gấp 3 lần; trước đây một cái phốt dẹt bánh tì hỏng sẽ không có phốt thay thế, xe không hoạt động được thì nay anh có sáng kiến dùng xăm, lớp ô tô cắt làm phốt, giải quyết được khó khăn cho đơn vị,...

Anh đã 214 lần kéo giúp xe của đơn vị bị đổ dọc đường, đào bới hầm bị bom đánh sập cứu được 5 đồng đội, giúp đỡ nâng cao tay nghề cho 24 thợ sửa chữa.

Nhờ những thành tích đã đạt được trong công tác, Nguyễn Văn Tấn được tặng thưởng 2 Huân chương Chiến công hạng Ba, 4 lần là Chiến sĩ quyết thắng, 6 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua, 24 bằng khen, giấy khen.

Ngày 31-12-1973, Nguyễn Văn Tấn được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

TRIỆU XUÂN TÂNG

Anh hùng Triệu Xuân Tâng (tức Triệu Xuân Công) sinh năm 1946, là người dân tộc Nùng, quê ở xã Quốc Dân, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, Thượng sĩ, Trung đội trưởng bộ binh thuộc đoàn 28, Quân khu Tây Bắc.

Triệu Xuân Tâng làm nhiệm vụ giúp Lào xây dựng cơ sở cách mạng ở tỉnh Luông Pha Bông từ năm 1967 đến năm 1973. Anh kiên trì bám đất, bám dân, tuyên truyền vận động quần chúng tham gia phong trào cách mạng. Trong chiến đấu, Triệu Xuân Tâng thể hiện tinh thần tiến công tiêu diệt địch cao, chỉ huy trung đội tiêu diệt trên 100 tên địch, bản thân diệt 26 tên.

Tháng 2-1968, anh cùng một chiến sĩ đi xây dựng cơ sở ở bắc Huôi Nhang thì bị lộ, địch bao vây, đánh úp. Đồng đội hy sinh, một mình anh kiên cường đánh trả địch, diệt 8 tên. Khi rút, Triệu Xuân Tâng còn cống đồng đội về mai táng chu đáo.

Trận đánh Phu Đăm ngày 14-4-1972, anh chỉ huy tổ mũi nhọn đánh thọc vào giữa vị trí địch, diệt sở chỉ huy, tạo điều kiện thuận lợi cho đồng đội tiến lên diệt đại đội của địch. Trong trận này, riêng anh diệt được 20 tên địch.

Không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu mà Triệu Xuân Tâng còn làm tốt nhiệm vụ xây dựng cơ sở cách mạng. Anh đã cùng sống, cùng lao động với nhân dân Lào và kiên trì học nói, đọc và viết thành thạo ngôn ngữ bản địa, nhờ vậy mà việc tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân có kết quả rất tốt. Triệu Xuân Tâng đã cùng các cán bộ địa phương xây dựng được cơ sở cách mạng ở 10 xã, bồi dưỡng được 7 cán bộ trong huyện.

Với những cống hiến của mình anh đã được tặng thưởng 3 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 1 Huân chương Chiến công hạng Ba, 6 bằng khen, giấy khen.

Ngày 31-12-1973, Triệu Xuân Tâng được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

TÀO VĂN TEM

Anh hùng Tào Văn Tem sinh năm 1956, là người dân tộc Thái, quê ở xã Chà Tở, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Khi được tuyên dương Anh hùng, anh là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Thượng sĩ, trinh sát viên, Đồn 1 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lai Châu.

Công tác trên địa bàn có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, Tào Văn Tem đã mày mò và tự học tiếng của các dân tộc: Mông, Hà Nhì, Dao. Nhờ vậy anh đã giành được sự tin yêu của đồng bào, xây dựng được nhiều cơ sở vững chắc ở địa bàn công tác.

Khi chiến tranh biên giới phía Bắc xảy ra, được cấp trên giao nhiệm vụ chỉ huy một tổ chiến đấu chặn đánh địch, Tào Văn Tem vừa mưu trí dũng cảm chỉ huy, động viên đồng đội chiến đấu vừa trực tiếp tham chiến. Anh cùng đồng đội đã đẩy lùi đợt tấn công của địch và tiêu diệt nhiều tên. Riêng anh diệt 10 tên, cùng toàn tổ giữ vững trận địa, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Chấp hành mệnh lệnh của cấp trên, Tào Văn Tem chuyển hướng hoạt động trong địa bàn sau lưng địch. Tào Văn Tem vừa chủ động nắm bắt tình hình hoạt động của địch, vừa nâng cao tinh thần cảnh giác, phòng ngừa các âm mưu, thủ đoạn phá hoại mới của chúng. Dựa vào các cơ sở đã xây dựng trước đây, Tào Văn Tem đã bắt và xử lý nhiều tên phản động, chỉ điểm, thám báo của địch, góp phần đập tan âm mưu nhen nhóm tổ chức phản động, gây bạo loạn cướp chính quyền của địch, bảo vệ tính mạng và tài sản nhân dân. Dù hoạt động ở sau lưng địch, Tào Văn Tem vẫn kịp thời tổ chức, củng cố đội ngũ dân quân, cùng dân quân bám trụ chiến đấu bảo vệ địa bàn trước các hành động phá hoại của quân địch¹.

Với nhiều thành tích đạt được trong công tác và chiến đấu, Tào Văn Tem đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì. Ngày 19-12-1979, Tào Văn Tem được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

1. Xem <http://www.vnmilitaryhistory.net/index.php?topic=185.30>

HÀ VĂN THANH

Anh hùng Hà Văn Thanh sinh năm 1948, là người dân tộc Thái, quê ở xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, Thượng sĩ, Trung đội phó Đại đội 11 ô tô vận tải, Tiểu đoàn 51, Binh trạm 34, Đoàn 559.

Phục vụ trên một tuyến đường địch đánh phá rất ác liệt, anh luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy, dũng cảm, mưu trí, dẫn đầu đơn vị về vượt cung tăng chuyển đưa hàng tới đích nhanh, đủ và tốt. Nhiều lần anh không quản nguy hiểm, bật đèn sáng chạy rẽ sang hướng khác để thu hút máy bay địch, cứu được cả đoàn xe của đơn vị bạn¹.

Từ năm 1969 đến năm 1972, Hà Văn Thanh lái xe vận chuyển tuyến đường 559. Trong quá

1. Xem “75 đơn vị anh hùng và 21 anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam vừa được tuyên dương”, Báo *Quân đội nhân dân*, số 4422, ngày 6-9-1973, tr.4.

trình làm nhiệm vụ, mặc dù hàng chục lần máy bay địch đánh phá khiến nhiều lần xe hỏng giữa đường, nhiều ngày mưa lũ, đường lầy lội, khó đi, nhưng anh vẫn quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, luôn dẫn đầu đơn vị về vượt cung, tăng chuyển đưa hàng tới đích an toàn, đủ số lượng. Hà Văn Thanh chạy 233 tuyến, có 146 chuyến vượt cung độ từ 2 đêm/chuyến xuống 1 đêm/chuyến; chuyển được 1.066 tấn hàng; khi về chuyển được 755 thương binh về phía sau an toàn; tiết kiệm được 1.500 lít xăng, thu nhặt được 3 tấn phụ tùng máy móc ở các xe bị địch đánh hỏng và 2.340 vỏ phuy xăng,...

Hà Văn Thanh đã nhiều lần dũng cảm cứu người, cứu xe, cứu hàng, nêu gương tốt cho toàn đơn vị học tập. Có lần đoàn xe của đơn vị vừa tới trọng điểm thì máy bay địch ném bom. Bom nổ, anh vẫn cố giữ thăng bằng, vượt ra khỏi bãi bom, nhanh chóng sửa cả bốn lốp xe bị thủng, tiếp tục đưa hàng tới đích an toàn. Có hai lần thấy đoàn xe bị máy bay C130 đánh, Hà Văn Thanh mưu trí bật đèn xe chạy sang hướng khác thu hút hỏa lực địch, nhờ đó cả đoàn 12 chiếc chở đầy hàng được an toàn. Có lần đang lái xe trên đường, gặp xe bạn bị máy bay địch bắn cháy, anh đã dũng cảm lao vào dập tắt lửa và nhanh chóng lái chiếc xe đến nơi an toàn. Sau khi băng bó cho đồng đội chu đáo, Hà Văn Thanh tiếp tục lái xe của mình đến

đích đúng thời gian quy định. Anh đã kéo và sửa chữa xe cho bạn 80 lần, bồi dưỡng giúp đỡ 8 đồng chí trở thành lái chính.

Trong suốt những năm tháng trên chiến trường, Hà Văn Thanh đã lái 38.221km an toàn. Đồng chí được tặng thưởng 3 Huân chương Chiến công hạng Ba, 2 lần là Chiến sĩ quyết thắng, 5 lần là Chiến sĩ thi đua, 42 bằng khen.

Ngày 3-9-1973, Hà Văn Thanh được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

BẾ VĂN THÀNH

Anh hùng Bế Văn Thành sinh năm 1946, là người dân tộc Tày, quê ở xã Hồng Quang, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng. Khi hy sinh, đồng chí là đảng viên, Thượng sĩ, Trung đội phó thuộc Đại đội 3 bộ binh, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 48, Sư đoàn 320, Quân đoàn 3.

Hoạt động trên chiến trường Trị Thiên và Tây Nguyên từ năm 1966 đến năm 1974, Bế Văn Thành khi làm chiến sĩ vận tải, lúc trực tiếp chiến đấu, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành xuất sắc.

Trong công tác vận tải, Bế Văn Thành đã vượt qua nhiều khó khăn, nguy hiểm, chuyển được 60 tấn hàng ra mặt trận, bảo đảm số lượng, chất lượng, đúng thời gian quy định. Trong chiến đấu, anh luôn phát huy cao tinh thần xung phong, gương mẫu, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong trận đánh ngày 3-4-1973, địch tuy đông lại có xe tăng, pháo binh, máy bay yểm trợ, phản kích vào trận địa chốt của ta nhưng Bế Văn Thành vẫn động viên anh em quyết tâm chiến đấu. Hết đạn, anh

lấy súng cối địch để diệt địch, giữ vững chốt. Trận này, anh diệt 10 tên, bắt sống 3 tên, thu 6 súng.

Năm 1974, trong trận tiêu diệt căn cứ làng Siêu, Bế Văn Thành chỉ huy một bộ phận nhanh chóng đánh chiếm lô cốt đầu cầu tạo điều kiện cho toàn đơn vị xông lên diệt địch trong căn cứ. Sau khi đã diệt xe bọc thép và một số hỏa điểm ở nơi cửa mở, anh dẫn đầu đơn vị xông lên chiếm điểm cao, chỉ huy đồng đội diệt từng mục tiêu. Trận đánh sắp kết thúc thì anh bị thương nặng. Trước lúc hy sinh, Bế Văn Thành còn trao súng và động viên đồng đội tiếp tục truy quét địch.

Anh được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 1 Huân chương Chiến đấu giải phóng hạng Ba, 4 lần được tặng danh hiệu Dũng sĩ, 8 bằng khen.

Ngày 6-11-1978, Bế Văn Thành được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

GIÀNG A THÀO

Anh hùng Giàng A Thào sinh năm 1935, là người dân tộc Dao, quê ở xã Sùng Đô, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, cán bộ xã Sùng Đô, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái¹.

Giàng A Thào là một đảng viên người dân tộc Dao, một cán bộ năng nổ của xã Sùng Đô, luôn bên bỉ đến từng gia đình đồng bào các dân tộc vận động xây dựng và củng cố hợp tác xã. Giàng A Thào đã cùng với tập thể xã viên cày bừa, làm ruộng bậc thang, phát triển chăn nuôi, mở rộng diện tích trồng lúa. Anh còn tích cực vận động bà con phát triển cây chè và một số loại cây công nghiệp khác. Nhờ vậy, xã viên không những tự túc được lương thực mà còn có đủ lương thực bán cho Nhà nước, đời sống vật chất và văn hóa của xã

1. Xem Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương: *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Sđd, t.II, tr.1000.

viên ngày được nâng cao. Giàng A Thào đã góp phần cùng lãnh đạo xã xây dựng xã Sùng Đô trở thành một xã vùng cao khá nhất tỉnh.

Anh được tặng thưởng một Huân chương Kháng chiến hạng Nhất. Ngày 1-1-1967, Giàng A Thào được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động.

QUÁCH VĂN THẨM

Anh hùng liệt sĩ Quách Văn Thẩm sinh năm 1959, là người dân tộc Mường, quê ở xã Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, công tác tại Đại đội 21, Trung đoàn 429, Sư đoàn 302, Bộ tư lệnh 479.

Quách Văn Thẩm nhập ngũ vào tháng 4-1978, được điều động tham gia chiến đấu ở biên giới Tây Nam. Là lính trinh sát, Quách Văn Thẩm thường xuyên luồn sâu vào khu vực địch để nắm bắt tình hình hoạt động của chúng. Anh đã 33 lần làm nhiệm vụ luồn sâu vào hậu cứ địch, lần nào cũng bình tĩnh, mưu trí vượt qua tuyến phòng thủ và các bãi mìn của địch, nắm chắc tình hình, đưa ra những báo cáo kịp thời, chính xác, giúp cấp trên tổ chức chiến đấu giành nhiều thắng lợi quan trọng. Quách Văn Thẩm đã hai lần trực tiếp chỉ huy phân đội phục kích, tiêu diệt được 21 tên địch, thu 4 khẩu súng. Riêng anh đã tiêu diệt 10 tên, thu hồi 2 khẩu súng.

Ngày 22-11-1980, Quách Văn Thẩm cùng tổ trinh sát phát hiện được đường hành lang của

địch, anh đã chỉ huy tổ trinh sát tổ chức phục kích và tiêu diệt 8 tên địch, thu hồi 5 khẩu súng. Ngày 27-11-1981, tại khu vực núi Cóc - Pà Ong, trong một đợt trinh sát, địch phát hiện được trận địa phục kích của ta. Quách Văn Thắm đã chỉ huy phân đội chiến đấu dũng cảm, đánh lui các đợt tấn công của chúng. Địch ráo riết truy đuổi khiến quân ta bị thương vong, trong đó Quách Văn Thắm bị thương khá nặng ở chân. Các đồng đội vừa dìu Quách Văn Thắm chạy vừa quay lại đánh trả địch. Trong tình thế nguy cấp ấy, biết mình bị thương nặng, khó có thể sống nổi, Quách Văn Thắm quyết định ở lại tiếp tục chiến đấu, thu hút hỏa lực địch về mình, tạo điều kiện cho đồng đội đưa thương binh về tuyến sau an toàn. Trong trận chiến ấy, Quách Văn Thắm đã anh dũng hy sinh. Sau trận đánh, đồng đội quay lại nhưng không tìm thấy thi thể của anh. Đó là nỗi mất mát lớn lao đối với đồng đội và gia đình Quách Văn Thắm. Khi hy sinh, anh là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung sĩ, Trung đội phó trinh sát Đại đội 21, Trung đoàn 429, Sư đoàn 302, Bộ Tư lệnh 479.

Quách Văn Thắm được tặng thưởng một Huân chương Chiến công hạng Nhất. Ngày 25-1-1983, Quách Văn Thắm được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

TRỊNH TRỌNG THẬP

Anh hùng Trịnh Trọng Thập sinh năm 1951, là người dân tộc Nùng, quê ở xã Cai Bộ, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, Thượng sĩ, Trung đội trưởng lái xe ô tô thuộc Phòng tham mưu, Sư đoàn 31.

Từ cuối năm 1969 đến tháng 2-1973, Trịnh Trọng Thập tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở chiến trường Lào. Riêng anh đã diệt 44 tên địch, chỉ huy tiểu đội diệt gần 200 tên địch.

Ngày 14-10-1970, Trịnh Trọng Thập chỉ huy tiểu đội (7 người) chốt giữ khu vực Bản Na. Tuy bom đạn địch bắn rất ác liệt, tiểu đội bị thương vong 3 người, đồng chí vẫn bình tĩnh động viên anh em ngoan cường bám trụ đánh lui 7 đợt phản kích của 2 tiểu đoàn địch, diệt gần 100 tên, giữ vững trận địa. Riêng anh diệt được 25 tên, được toàn đơn vị phát động học tập.

Trong trận tấn công địch ở điểm cao 1663 ngày 30-4-1971 (điểm cao khống chế đường tiến công của ta vào Phu Mộc), đơn vị gặp khó khăn

khi mở cửa, Trịnh Trọng Thập chỉ huy đội dự bị dũng cảm vượt qua lưới đạn địch, diệt 2 hỏa điểm lợi hại, mở thông cửa mở, nhờ đó đơn vị đã diệt gọn đại đội địch và chiếm được điểm cao này.

Trong những năm 1972-1973, khi làm nhiệm vụ lái xe chở hàng phục vụ chiến đấu, tuy mới ra trường, thường xuyên lái xe trên đoạn đường địch đánh phá ác liệt, nhưng anh luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đợt nào, quý nào Trịnh Trọng Thập cũng vượt chỉ tiêu được giao.

Anh được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 3 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, 3 lần là Chiến sĩ quyết thắng, 4 bằng khen và giấy khen.

Ngày 6-11-1978, Trịnh Trọng Thập được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

THẠCH THIA

Anh hùng Thạch Thia (tức Tư Thia) sinh năm 1948, là người dân tộc Khmer, quê ở xã Loan Mỹ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Khi hy sinh, đồng chí là đảng viên, Chỉ huy trưởng quân sự xã Loan Mỹ, huyện Tam Bình, tỉnh Cửu Long.

Năm 1962, khi vừa tròn 14 tuổi, Thạch Thia đã tham gia cách mạng.

Năm 1963, Mỹ - Diệm ra sức thực hiện “quốc sách” xây dựng các “ấp chiến lược”, đánh phá ác liệt vào vùng căn cứ cách mạng. Hưởng ứng cao trào phá ấp chiến lược, Thạch Thia một mình một khẩu cạc bin đột nhập đồn địch, giết chết tên Trung đội trưởng Roạt ác ôn, khiến bọn lính trong đồn hoảng sợ, không dám đi lùng sục. Anh còn gài lựu đạn ở ấp Tổng Hưng, diệt 14 tên địch. Đặc biệt, một mình anh chặn đánh một đại đội địch ở cánh đồng Cây Kè (Tổng Hưng), diệt 1 tên địch, làm bị thương 2 tên khác¹.

1. Xem “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Thạch Thia (1948-1972)”, <http://thvl.vn/?p=14200>.

Năm 1964, Thạch Thia bảy lần tham gia chống càn tại Bình Phú (Tổng Hưng), diệt 5 tên địch; 15 lần bắn máy bay, 27 lần xạ kích bắt địch, diệt 2 tên, làm bị thương 3 tên; bao vây đồn Lục Ông, Ông Cai, La Vát..., 13 lần hỗ trợ phá kìm, diệt ác, tuyên truyền, giáo dục, vận động thanh niên bổ sung vào đội du kích (trong đó có 7 người Khmer).

Năm 1968, anh làm Xã đội phó, chỉ huy đội du kích kết hợp với quân địa phương tấn công khu trù mật Cái Sơn. Lực lượng địch rất đông và nhiều vũ khí, trong khi đó, đội du kích trang bị thiếu, lại phải chia thành nhiều mũi. Với tinh thần dũng cảm, quyết hoàn thành nhiệm vụ, Thạch Thia đã đề ra sáng kiến dùng thuốc ngộp đặt xuôi chiều gió đốt, làm cho địch không chịu nổi phải gom lại. Lúc đó, anh cho dùng lựu đạn, thủ pháo tập kích, ngày đêm bắn tỉa, diệt 3 tên, làm bị thương 4 tên. Thạch Thia còn kết hợp với quân địa phương đánh bọn bảo an Tam Bình đi chi viện, chống bọn tiểu đoàn Vĩnh Long càn vào xã... góp phần tích cực bẻ gãy những trận càn của chúng.

Năm 1969, anh được kết nạp vào Đảng. Ngày 27-7-1972, Thạch Thia đã anh dũng hy sinh trong khi làm nhiệm vụ.

Trải qua 11 năm chiến đấu bảo vệ quê hương, Thạch Thia đã tham gia hơn 100 trận chiến đấu,

cùng đơn vị diệt hàng trăm tên địch. Riêng anh diệt được 98 tên, làm bị thương 70 tên, thu 25 súng các loại. Anh được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba.

Ngày 6-11-1978, Thạch Thia được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

LÝ VĂN THÍM

Anh hùng Lý Văn Thím sinh năm 1925, là người dân tộc Nùng, quê ở xã Nam Sơn, huyện Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn, nhập ngũ ngày 1-2-1945. Khi được tuyên dương Anh hùng, anh là Đại đội phó bộ binh thuộc Trung đoàn 335, đơn vị quân tình nguyện, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam¹.

Trước Cách mạng Tháng Tám (tháng 2-1945), Lý Văn Thím đã xung phong vào giải phóng quân, tham gia đánh bọn phỉ ở Hang Cẩu, đánh Nhật ở Pò Mã và cùng nhân dân khởi nghĩa cướp chính quyền ở thị xã Lạng Sơn. Sau đó, anh được cho về chữa bệnh. Đến tháng 6-1946, anh lại trở về đơn vị tiếp tục chiến đấu đến tháng 7-1954. Lý Văn Thím đã tham gia 46 trận chiến đấu, diệt và làm bị thương 25 tên, bắt sống 5 tên, xây dựng được

1. Xem Phạm Gia Đức và cộng sự: *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002, t.9, tr.31.

nhiều cơ sở cách mạng ở 7 bản thuộc vùng dân tộc thiểu số¹.

Trong trận đánh đồn Na Y (trên đường 4) vào đầu năm 1949, Lý Văn Thím xung phong vào đội quân cảm tử, xông thẳng vào đồn phá bung ba lớp rào, đánh sập lô cốt rồi tiến lên chiếm hào giao thông, ném lựu đạn đập tắt hỏa điểm xung yếu nhất, tạo điều kiện cho đơn vị xung phong tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Tháng 12-1949, Lý Văn Thím làm chiến sĩ liên lạc và trinh sát ở vùng P. Đây là vùng dân tộc thiểu số, nhân dân chưa hiểu còn xa lánh cán bộ, bộ đội. Mặc dù kẻ địch thường phục kích trên các con đường đi lại nhưng anh vẫn kiên trì gần gũi giúp đỡ, tuyên truyền giác ngộ nhân dân, xây dựng được cơ sở, qua đó nắm vững tình hình địch. Có lần chuyển công văn hỏa tốc, đường đi mất 7 ngày, giữa đường gặp địch, cơm không có, phải nhịn đói, nhưng Lý Văn Thím vẫn tìm cách xuyên rừng đưa công văn tới nơi, trước giờ quy định.

Từ tháng 12-1952 đến tháng 8-1953, anh lại nhận nhiệm vụ xây dựng cơ sở cách mạng ở một vùng trọng điểm. Suốt 9 tháng liền, ngày nằm

1. Xem Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương: *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh, Sdd*, tr.249.

rừng, đêm về tìm dân ở các bản, nhiều khi địch lùng sục, gạo không có phải ăn rau, củ rừng, nhưng Lý Văn Thím vẫn kiên trì bám dân hoạt động, gây được cơ sở ở 7 bản.

Với những công lao to lớn, Lý Văn Thím đã được tặng thưởng một Huân chương Chiến công hạng Nhất và được bầu là Chiến sĩ thi đua của đơn vị.

Ngày 31-8-1955, Lý Văn Thím được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba và danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân¹.

1. Xem Phạm Gia Đức và cộng sự: *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*, Sđd, tr.34.

HOÀNG VĂN THỌ

Anh hùng liệt sĩ Hoàng Văn Thọ sinh năm 1932, là người dân tộc Tày, quê ở làng Thanh Tú, xã Đại Lịch, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Khi hy sinh, anh là Đội trưởng đội du kích thiếu nhi trung kiên xã Đại Lịch¹.

Là người có tinh thần cách mạng từ rất sớm, tháng 7-1945, Hoàng Văn Thọ đã cùng nhân dân xã Đại Lịch đi phá kho thóc của Nhật - Pháp ở làng My.

Đầu tháng 10-1947 quân Pháp từ Sơn La đánh sang tái chiếm Văn Chấn; lập các đồn Ca Vỉnh, Dọc, My, Đồng Bò để bao quanh Đại Lịch. Đội du kích xã Đại Lịch quyết định chọn Hoàng Văn Thọ làm liên lạc cho Xã bộ Việt Minh, rồi giao cho anh chọn người lập đội du kích thiếu niên trung kiên, hỗ trợ đội du kích vũ trang của xã. Đội lúc đầu có 3 người do Hoàng Văn Thọ làm

1. Xem Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương: *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Sdd, t.I, tr.250.

Đội trưởng, dần dần phát triển và hoạt động rất mạnh ở Đại Lịch.

Ngày 20-11-1947, được tin báo địch kéo quân từ đồn Đồng Bồ ra đồn Dọc, Đội du kích Đại Lịch đã quyết định chọn đèo Din là trận địa phục kích đánh địch. Khoảng 3 giờ sáng hôm ấy, 30 chiến sĩ du kích và Hoàng Văn Thọ ra mai phục tại đèo Din.

Đến khoảng 9 giờ sáng thì địch tới, lực lượng của chúng có một trung đội do 2 tên sĩ quan Pháp chỉ huy. Lừa cho địch vào trận địa phục kích, ta giật 3 quả mìn tự tạo nổ tung, súng du kích bắn vào đội hình quân địch. Bị đánh bất ngờ, địch hoảng sợ chạy xuống Khe Din định sang đồn Dọc nhưng bị bãi đá sập xuống rào rào và hầm chông vây hãm¹.

Sau 15 phút chiến đấu, một tên chỉ huy Pháp bình tĩnh chỉ huy địch phản công. Thấy vậy, Hoàng Văn Thọ đã dùng lựu đạn ném chết tên chỉ huy và chớp thời cơ xông lên cướp khẩu tiểu liên trong tay giặc. Nhưng rồi một đội quân địch đến tiếp viện, nổ súng bắn xối xả vào người Hoàng Văn Thọ. Anh đã anh dũng hy sinh ở tuổi 15. Trận đánh này, ta tiêu diệt 2 tên Pháp, trong đó có tên trung úy chỉ huy, 5 lính ngự và 11 tên khác bị thương nặng; thu 3 khẩu súng, trong đó có khẩu tiểu liên.

1. Xem http://baoyenbai.com.vn/31/110730/Nho_ve_tran_danh_deo_Din.htm.

Ghi nhớ tấm gương hy sinh anh dũng của anh, trường tiểu học và trường trung học cơ sở mang tên người anh hùng liệt sĩ Hoàng Văn Thọ được xây dựng khang trang giữa trung tâm xã. Nhà bia tưởng niệm Anh hùng liệt sĩ thiếu niên Hoàng Văn Thọ đã được xây dựng, trở thành “địa chỉ đỏ” cho các cuộc tham quan, học tập không chỉ của thầy trò các nhà trường, nhân dân trong xã mà còn của các đoàn đại biểu, các đội viên, đoàn viên khi đến thăm mảnh đất này.

Ngày 22-8-1998, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Hoàng Văn Thọ. Anh hùng liệt sĩ Hoàng Văn Thọ còn được truy tặng Huân chương Chiến công và Bằng Tổ quốc ghi công¹.

1. Xem <http://trianlietsi.vn/new-vn/Trang-vang-liet-si/1919/anh-hung-liet-si-hoang-van-tho.vhtm>.

MAI NGỌC THOẢNG

Anh hùng Mai Ngọc Thoảng sinh năm 1953, là người dân tộc Mường, quê ở xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, Hạ sĩ, Tiểu đội trưởng thông tin, Đại đội 18, Trung đoàn 48, Sư đoàn 320.

Năm 18 tuổi, Mai Ngọc Thoảng lên đường nhập ngũ. Đến năm 1972, anh tham gia vào chiến dịch Quảng Trị.

Đêm mùng 3-4-1972, Mai Ngọc Thoảng cùng một chiến sĩ đang trên đường đi kiểm tra đường dây đoạn gần Cam Lộ thì gặp địch, anh nhanh chóng nổ súng diệt 2 tên, gọi hàng 1 tên, bọn còn lại bỏ chạy, đường dây được an toàn.

Ngày 5-7-1972, trong Thành cổ Quảng Trị, sau 12 giờ làm việc liên tục, đường dây được sửa chữa xong, vừa về đến hầm thì lại bị pháo địch bắn đứt, mặc cho địch phản kích, Mai Ngọc Thoảng lao ra nối dây. Sau 10 phút, đường dây lại thông suốt.

Đã có không dưới 5 lần, Mai Ngọc Thoảng vượt sông Thạch Hãn dưới làn bom địch để nối, chữa đường dây, lần nào cũng hoàn thành nhiệm vụ. Đặc biệt, ngày 14-7-1972, khi đang vượt sông thì hàng chục quả đạn pháo bắn tới, có quả nổ gần nhắc bỗng anh rồi nhấn chìm xuống nước, anh vẫn cắn chặt dây vào miệng tiếp tục bơi vào bờ. Bị ngắt đi, khi tỉnh dậy anh lại tiếp tục sửa chữa đường dây.

Cuối tháng 7-1972, mặc dù tiểu đội còn 5 người, trong khi địch đánh phá ngày đêm ác liệt, trời mưa nhiều khiến cho việc bảo đảm thông tin gặp nhiều khó khăn song Mai Ngọc Thoảng đã động viên anh em quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Ngày 13-7-1973, địch ráo riết chiếm Thành cổ Quảng Trị. Khi ấy thông tin là mạch máu duy nhất giữ liên lạc giữa trận chiến với sở chỉ huy. Nhưng khi trận chiến diễn ra ác liệt nhất thì thông tin bị đứt quãng, mọi người mất phương hướng. Trong giây phút hiểm nguy ấy, Mai Ngọc Thoảng được đơn vị giao nhiệm vụ nối lại đường dây thông tin bị bom đạn phá hỏng giữa dòng sông Thạch Hãn.

Trước khi làm nhiệm vụ, đồng đội đã làm lễ tiễn biệt Mai Ngọc Thoảng. Xác định vị trí đoạn dây bị đứt, Mai Ngọc Thoảng bơi ra giữa sông để nối hai đầu dây nhưng do sức ép của bom đạn, cứ

bơi ra gần đến nơi lại bị đánh dạt vào bờ. Liên tục như thế hai, ba lần, cuối cùng anh cũng tìm được cách tiếp cận đường dây. Một khó khăn nữa lại đến, làm thế nào để vừa bơi vừa nối dây, trong tích tắc ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu anh, phải ngậm hai đầu dây vào miệng để nối thông tin liên lạc, hai tay bơi giữ thẳng bằng... Và Mai Ngọc Thoảng cứ giữ nguyên tư thế đó trong gần 30 phút, từng đợt bom của địch rải xuống kèm theo sóng điện làm cơ thể người chiến sĩ quả cảm bật tung lên; sức ép của bom đạn, sức ảnh hưởng của xung điện khiến hai hàm răng anh tê cứng, máu từ tai, mũi ứa ra. Nhưng từ trong tiềm thức, anh vẫn kiên cường xác định phải giữ vững đường dây liên lạc bởi khi đó chỉ 1 phút mất liên lạc, một chút xáo trộn trong công tác chỉ huy là sinh mạng của bao đồng đội có thể ra đi. Sau những giây phút đó, cả người hoàn toàn tê liệt, anh ngất lịm đi. Khi tỉnh dậy, anh thấy đồng đội vây xung quanh, họ nghĩ rằng người chiến sĩ gan dạ đã hy sinh...¹.

Việc làm phi thường của chiến sĩ Mai Ngọc Thoảng đã giúp cho mạch máu thông tin được thông suốt. Với thành tích nổi bật trong chiến

1. Xem “Mai Ngọc Thoảng - người anh hùng thông tin ngày ấy”, <http://infonet.vn/mai-ngoc-thoang-nguoi-anh-hung-thong-tin-ngay-ay-post20288.info>.

dịch 81 ngày đêm, Mai Ngọc Thoảng được mệnh danh là “con chim đầu đàn” của Thành cổ Quảng Trị. Ý chí quyết tâm và nghị lực mạnh mẽ của anh đã tạo nên một kỳ tích về thông tin. Với những cống hiến của mình cho cách mạng, nhất là cho ngành thông tin liên lạc, anh được tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 1 bằng khen.

Ngày 23-9-1973, anh vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân khi vừa tròn 20 tuổi.

NGUYỄN VĂN THOÁT

Anh hùng Nguyễn Văn Thoát sinh năm 1954, là người dân tộc Tày, quê ở xã Nông Thượng, huyện Bạch Thông (nay thuộc thành phố Bắc Kạn), tỉnh Bắc Kạn. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng công binh, Đại đội 3, Tiểu đoàn 33, Bình trạm 32, Đoàn 559.

Tháng 5-1965, Nguyễn Văn Thoát nhập ngũ và đến tháng 7-1965, anh được giao nhiệm vụ nuôi quân trong một đơn vị bảo đảm giao thông ở phía bắc đường 9.

Từ năm 1966, anh được phân công làm nhiệm vụ bảo đảm giao thông trên đường Trường Sơn. Làm nhiệm vụ giao liên, gửi gạo, Nguyễn Văn Thoát đã bảo đảm 100% ngày công hằng tháng. Anh thường gửi từ 40-50kg, thậm chí có lần vác tới 70-80kg¹. Khi làm nhiệm vụ mở đường ở C29B,

1. Xem Nhiều tác giả: *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Quân khu I*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr.22.

Nguyễn Văn Thoát đã đạt năng suất bình quân từ 180-200m/công (vượt chỉ tiêu từ 20-40m). Làm nhiệm vụ chặt cây, chống lầy, đồng chí đạt năng suất từ 70-75 cây/công (vượt chỉ tiêu từ 20-25 cây), cá biệt có ngày đồng chí chặt được 121 cây¹.

Không chỉ ném bom nhằm phá hoại đường giao thông của ta, giặc Mỹ còn ném nhiều bom nổ chậm làm cản trở công việc sửa chữa đường. Do đó, ngoài nhiệm vụ sửa chữa đường giao thông, Nguyễn Văn Thoát còn làm nhiệm vụ theo dõi bom rơi, đánh dấu những quả chưa nổ để cùng đơn vị phá hủy. Gặp trường hợp khó xác định loại bom, giờ nổ, anh kiên trì nghiên cứu quy luật, quyết tìm cách phá, góp phần cùng đơn vị công binh rút ngắn thời gian sửa chữa đường. Nguyễn Văn Thoát đã phá được 18 quả bom từ trường và nhiều loại bom mìn khác, rút được nhiều kinh nghiệm hay để phổ biến cho đơn vị và lực lượng thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

Trong khi làm nhiệm vụ trên đường, Nguyễn Văn Thoát đã 13 lần lao vào khu vực máy bay địch bắn phá, cùng đồng đội cứu được 8 xe ô tô, trong đó có 1 xe chở thương binh, đưa người và

1. Xem Nhiều tác giả: *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Quân khu I*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr.22.

hàng tới nơi an toàn. Anh còn chỉ huy khẩu đội súng máy 12,7 ly bắn rơi 1 máy bay trinh sát, bắn hỏng 8 chiếc khác, góp phần hạn chế hoạt động của máy bay trinh sát của địch trên những tuyến đường mà đơn vị phụ trách. Nguyễn Văn Thoát được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công hạng Ba, 4 lần là Chiến sĩ thi đua.

Ngày 25-8-1970, Nguyễn Văn Thoát được Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Đến tháng 6-1971, khi đang làm nhiệm vụ tại chiến trường miền Nam, Nguyễn Văn Thoát đã anh dũng hy sinh.

PUIH THU

Anh hùng Puih Thu (tức Puih Banh) sinh năm 1935, là người dân tộc Gia Rai, quê ở xã Ia Hlốp, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Trung đội trưởng du kích xã.

Năm 1961, địch trở lại khủng bố, đàn áp, Puih Thu cùng với cán bộ bám sát lãnh đạo phong trào, len lỏi trong vùng nắm tình hình địch, liên lạc với cơ sở, bảo vệ cán bộ, trị ác ôn.

Từ cuối năm 1962 sang năm 1963, địch càng khủng bố ác liệt để dồn dân lập “ấp chiến lược”. Puih Thu đã cùng cán bộ bám sát quần chúng, liên tục tổ chức cho nhân dân chống dồn dân lập “ấp chiến lược”, một mặt diệt và trấn áp bọn tề điệp, một mặt xây dựng cơ sở và xây dựng lực lượng du kích thoát ly vừa tăng gia sản xuất vừa giữ vững liên hệ với tổ chức cách mạng bên trong “ấp chiến lược”.

Trong quá trình công tác, Puih Thu chiến đấu rất dũng cảm, gan dạ. Năm 1963, anh đã đánh 8

trận, diệt 21 tên địch, trong đó 12 tên chết, 9 tên bị thương, diệt 3 xe, trong đó có 1 xe M113, bắn rơi 1 máy bay lên thẳng HU.1A và bắn hỏng 2 chiếc khác¹.

Trong trận đánh ngày 18-4-1964 tại ấp làng Tốt, anh cùng đội du kích mưu trí lợi dụng ngày hội Nhà Ma cho bọn địch uống rượu say rồi xông vào bắt trói 8 tên và một số tên ác ôn, thu 8 súng trang bị cho đội du kích.

Cũng trong tháng 4-1964, địch mở trận càn vào xã, Puih Thu đã dũng cảm dùng ná tẩm thuốc độc tiêu diệt và làm bị thương hàng chục tên địch, gây cho địch nhiều nỗi kinh hoàng bởi thế trận hiểm công, cam bẫy của nhân dân và du kích.

Ngày 14-5-1964, Puih Thu chỉ huy trung đội du kích cùng nhân dân làng Lan nổi dậy diệt 18 tên (có 4 cảnh sát và 2 điệp ngầm), đốt cháy nhà hội đồng, bắt 6 tên, thu 12 súng các loại và nhiều đạn dược.

Tính chung, Puih Thu đã đánh nhiều trận, diệt và làm bị thương 46 tên, đánh hỏng 4 xe quân sự, phá hủy 1 xe M113, hạ 1 máy bay lên

1. Xem “Kiên trì trong đấu tranh chính trị, dũng cảm mưu trí trong đấu tranh vũ trang (Gương xã đội trưởng Puih Thu, Anh hùng quân đội giải phóng miền Nam)”, Báo *Quân đội nhân dân*, số 1649, ngày 18-10-1965, tr.3.

thăng và bắn hỏng 2 chiếc khác (anh là người đầu tiên đánh xe lội nước bọc thép M113 và máy bay địch ở vùng này), 18 lần phá “ấp chiến lược”¹.

Với những thành tích to lớn đó, ngày 5-5-1965, Puih Thu được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

1. “Kiên trì trong đấu tranh chính trị, dũng cảm mưu trí trong đấu tranh vũ trang (Gương xã đội trưởng Puih Thu, Anh hùng quân đội giải phóng miền Nam)”, *Tlđđ*, tr.3.

DƯƠNG ĐỨC THÙNG

Anh hùng Dương Đức Thùng sinh năm 1954, là người dân tộc Nùng, quê ở xã Quốc Toản, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.

Dương Đức Thùng gia nhập quân đội vào tháng 8-1974. Đến tháng 4-1975, trong chiến dịch Hồ Chí Minh, anh nhận nhiệm vụ hoạt động dân vận ở địa bàn nhiều xã thuộc huyện Kiêng Vay, tỉnh Kăng Đan, trên đất bạn Campuchia. Tháng 2-1979, Dương Đức Thùng làm Đội trưởng công tác phát động quần chúng ở xã Đông Ất, huyện Kiêng Vay, tỉnh Kăng Đan. Cuộc sống của người dân trong xã rất khó khăn, đa phần đều trong tình trạng đói khổ, bệnh tật. Địch ra sức tuyên truyền xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Mặt trận Campuchia. Bằng những hành động cụ thể, thiết thực như: chia sẻ, giúp đỡ người nghèo khổ, chăm sóc các em bé, tìm kiếm các bài thuốc dân gian chữa bệnh cho người dân,... Dương Đức Thùng đã được người dân trong xã tin tưởng, yêu thương.

Trong quá trình hoạt động tại Campuchia, nhiều lần địch tìm cách dụ dỗ, mua chuộc, dọa dẫm. Chúng treo giải: “Ai giết được Dương Đức Thùng thì chúng thưởng 10 lạng vàng, nếu bắt sống được thì thưởng nhiều hơn”. Nhưng Dương Đức Thùng vẫn vững vàng, tích cực, lăn lộn hoạt động và được quần chúng tin yêu, bảo vệ. Có lần anh cải trang làm người dân vượt qua 2 tên lính gác, bí mật đến gần nghe lén cuộc họp của địch, sau đó tổ chức bắt được 2 tên từ Thái Lan về, buộc 3 tên khác ra trình diện, thu 21 súng, 300 viên đạn¹. Kết quả này đã gây được lòng tin trong nhân dân, củng cố được chính quyền.

Với những chiến công đã đạt được, Dương Đức Thùng đã được tặng 1 Huân chương Chiến công hạng Ba, được Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Campuchia tặng huân chương, 2 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua, 18 bằng khen và giấy khen, được Chính phủ Vương quốc Campuchia tặng huân chương. Ngày 25-1-1983, Dương Đức Thùng được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh

1. Xem http://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/251/1/Hoang%20Trieu%20Nam.pdf.

hùng Lực lượng vũ trang nhân dân¹. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chuẩn úy, Đại đội trưởng công binh, Tiểu đoàn 4, Lữ đoàn 25, Quân đoàn 4.

1. Xem Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương: *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Sđd, t.I, tr.712.

HOÀNG VĂN THƯỢNG

Anh hùng Hoàng Văn Thượng sinh năm 1948, là người dân tộc Tày, quê ở xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, Thượng úy, Chính trị viên Tiểu đoàn 13 đặc công, Trung đoàn 492, Sư đoàn 2, Quân khu 7.

Ngày 28-12-1970, trong trận đánh vào Chiến đoàn 33 thuộc Sư đoàn 25 quân nguy đóng ở Tây Ninh anh được giao nhiệm vụ chỉ huy một đại đội tấn công. Sau hai đêm đột nhập, nắm được cách bố phòng của địch, anh chỉ huy một mũi quân cắt rào, gỡ mìn, chui vào bên trong. Anh nhẹ nhàng trèo lên nóc nhà, giật cờ của địch, cắm cờ của ta vào rồi quay xuống, phát lệnh cho anh em đánh thẳng vào sở chỉ huy của địch. Nhiều tên địch đang say sưa ngủ sau khi nhậu nhẹt chào mừng ngày thành lập “Quân lực Việt Nam Cộng hòa” đã bị ta diệt gọn. Hoàn thành nhiệm vụ, quân ta rút ra ngoài. Trên đường rút, bất ngờ Hoàng Văn Thượng bị một quả lựu đạn nổ ngay bên cạnh, hất văng ra xa, ngất lịm.

Khi tỉnh lại, quân ta đã rút hết, anh gắng gượng bò dậy, khắp người đau ê ẩm, sờ lên tai thấy máu ra ướt đầm. Hoàng Văn Thượng nén hết sức lực cố gắng vượt rào thép gai thoát ra ngoài. Thấy động, địch vãi đạn theo sau như mưa. Một viên đại liên của giặc bắn trúng hông làm anh ngã xuống. Giặc tưởng anh đã chết nên ngừng bắn, anh lại nén đau bò tiếp ra ngoài.

Ra đến nơi, thép gai cào rách đầy mình, vết thương ra nhiều máu, anh gục xuống bãi cỏ. May sao, vẫn còn hai đồng đội ẩn nấp trong rừng chờ anh. Họ xốc anh lên lưng chạy vào cánh rừng trước mặt. Sau này, anh mới biết mình và đồng đội đánh gây thiệt hại nặng Chiến đoàn 33 của ngụy, diệt 300 tên giặc, riêng mũi do anh chỉ huy diệt được 120 tên¹.

Từ năm 1971, Hoàng Văn Thượng chiến đấu ở miền Đông Nam Bộ, anh đã chỉ huy 11 trận đánh, cùng đơn vị diệt và làm bị thương 2.000 tên địch, 1 sở chỉ huy tiểu đoàn, phá hủy 1 khu thông tin. Riêng anh diệt 62 tên. Trong nhiệm vụ trinh sát, Hoàng Văn Thượng đã trực tiếp điều tra, nghiên cứu 31 mục tiêu, phục vụ cho đơn vị đánh đạt hiệu quả tốt.

1. Xem “Người anh hùng hơn 130 lần đột nhập căn cứ địch”, <http://www.vietnamplus.vn/nguoi-anh-hung-hon-130-lan-dot-nhap-can-cu-dich/90104.vnp>.

Trận đánh căn cứ Âm Púc (Campuchia) tháng 4-1971, Hoàng Văn Thượng đã chỉ huy tổ cắt rào, đánh chiếm lô cốt đầu cầu, tạo điều kiện cho đơn vị phát triển đánh địch được nhanh chóng. Riêng anh đánh sập 1 lô cốt, 3 nhà lính, diệt một số địch.

Trận đánh căn cứ Dầu Tiếng (Sông Bé, nay thuộc tỉnh Bình Dương), ngày 20-6-1971, Hoàng Văn Thượng làm Chính trị viên phó đại đội. Trận này đơn vị diệt và làm bị thương 400 tên địch. Riêng anh diệt 26 tên, đánh sập 4 nhà lính.

Trận đánh căn cứ Lai Khê (Sông Bé, nay thuộc huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương) - một căn cứ được phòng thủ kiên cố, sau khi chỉ huy tổ cắt rào mở đường, Hoàng Văn Thượng dẫn đầu đơn vị đánh thẳng vào sở chỉ huy địch, diệt 100 tên, đánh sập 5 lô cốt, 26 nhà lính.

Ngày 3-11-1973, Hoàng Văn Thượng làm nhiệm vụ điều tra, nghiên cứu phục vụ đơn vị diệt căn cứ Bù Bông, loại khỏi vòng chiến đấu 500 tên địch, mở màn chiến dịch mùa khô năm 1973, giải phóng hàng chục ngàn dân trong vùng.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Hoàng Văn Thượng được giao nhiệm vụ Chính trị viên Tiểu đoàn đặc công; tham gia chỉ huy đơn vị từ Long An, bí mật tiến vào Sài Gòn đánh Trung tâm thông tin Phú Lâm ở quận 6 nhằm cắt đứt thông tin liên lạc, làm tê liệt địch. Đây là trung tâm thông tin lớn nhất, hiện đại

nhất châu Á lúc đó với 800 nhân viên quân sự hoạt động. Nhiệm vụ được giao rất khó khăn, phải đưa cả tiểu đoàn gần 120 người vào giữa Sài Gòn khi quân địch đang kiểm soát gắt gao. Đêm 28-4-1975, đơn vị áp sát mục tiêu, đang cắt hàng rào dây thép gai thì bị địch phát hiện, chúng nã súng như mưa xuống hào làm 7 chiến sĩ hy sinh. Bị phát hiện, ta buộc phải gọi lực lượng chi viện nã pháo vào trong, nhưng căn cứ của địch quá kiên cố, đánh một ngày đêm vẫn chưa chiếm được. Đến 9 giờ sáng 30-4, anh đề ra kế hoạch táo bạo, tổ chức một nhóm 20 người đánh thẳng vào cổng chính, xông vào sở chỉ huy, bắt sống chỉ huy địch, chiếm toàn bộ Trung tâm thông tin Phú Lâm. Vừa lúc đó, trên Đài phát thanh thông báo Tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện quân giải phóng.

Trong suốt những năm tháng chiến đấu, anh hùng Hoàng Văn Thượng đã hàng trăm lần đột nhập căn cứ địch thăm dò tình hình bố phòng rồi tổ chức lực lượng luồn sâu, đánh phá nhiều căn cứ địa chiến lược của địch, trực tiếp tham gia gần 30 trận đánh lớn nhỏ, diệt 92 tên giặc¹.

1. Xem “Sáng mãi phẩm chất anh hùng”, <http://baocaobang.vn/Ky-Phong-su/Sang-mai-pham-chat-Anh-hung/38241.bcb>.

Hoàng Văn Thượng đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 3 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba.

Ngày 6-11-1978, Hoàng Văn Thượng được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐINH TÍA

Anh hùng Đinh Tía sinh năm 1943, là người dân tộc Hrê, quê ở xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, Trung đội phó đơn vị giao thông liên lạc, Đại đội 14, bộ đội địa phương tỉnh Quảng Ngãi.

Tròn 16 tuổi, Đinh Tía đã tham gia hoạt động cách mạng. Anh gia nhập bộ đội huyện và tham gia chiến đấu vào tháng 7-1959. Khi đó, bộ đội huyện mới chỉ có một trung đội, vũ khí còn thiếu thốn, Đinh Tía đã hướng dẫn anh em làm chông, đánh lại địch trong các trận càn, buộc chúng phải rút chạy.

Năm 1960, anh được phân công hoạt động ở vùng Hà Thành, xây dựng cơ sở, phát triển phong trào du kích chiến tranh, chống địch càn. Trong một lần vào ấp chiến lược hoạt động trở về, anh bị địch phục kích, bắn cụt một ngón tay.

Năm 1962, Đinh Tía nhận công tác ở đại đội thông tin của tỉnh và được giao phụ trách giao

thông liên lạc khắp sáu huyện miền núi của tỉnh. Đường đi rất gian khó, hiểm nguy, nhiều chỗ phải qua áp chiến lược và đồn bốt địch hoặc phải vượt suối, lũ, sông sâu, nhiều lần bị nước cuốn trôi hoặc địch phục kích, Đình Tĩa vẫn bình tĩnh xử trí linh hoạt để vượt qua. Càng ngày các trục đường liên lạc càng bị địch thường xuyên đánh phá dữ dội, nhưng tắc nghẽn đường này, anh lại tìm đường khác, luôn luôn giữ vững đường dây liên lạc thông suốt. Một lần đi công tác, gặp lúc địch đi càn, Đình Tĩa cho người về đơn vị báo cáo, còn anh tìm cách vượt qua địch, đến nơi trạm đã sơ tán, anh tự tìm đường, bám dân, hái rau rừng ăn, kiên trì mấy ngày liền đến trạm mới giao tài liệu an toàn. Khi trở về, Đình Tĩa tình nguyện gửi hàng cho đơn vị, mỗi chuyến nặng từ 70-80kg.

Từ năm 1962 đến năm 1969, riêng công văn hỏa tốc, Đình Tĩa chuyển được 3.780 bì, tự vạch tìm 150 con đường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giao liên trong những điều kiện rất phức tạp, khó khăn.

Anh được tặng thưởng Huy hiệu Bác Hồ, Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, 6 năm liền là Chiến sĩ thi đua của tỉnh.

Ngày 20-12-1969, Đình Tĩa được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

BÀN HỒNG TIÊN

Anh hùng Bàn Hồng Tiên sinh năm 1924, là người dân tộc Dao, quê ở xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Khi được tuyên dương Anh hùng, anh là đảng viên, Chủ nhiệm Hợp tác xã Đồng Vàng, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang¹.

Trong phong trào hợp tác xã nông nghiệp ở xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, Bàn Hồng Tiên là người dám nghĩ, dám làm, người đầu tiên vận động vợ con và gia đình cùng 32 gia đình khác trong thôn Đồng Vàng xuống núi định canh, định cư. Đồng chí đã nghiên cứu và cùng tập thể xã viên xây dựng công trình thủy lợi gồm một kênh mương, một cầu máng hai nhịp và hai máng bắc qua khe suối, thực hiện quy hoạch đồng ruộng, làm bờ vùng bờ thửa, mương tưới cho từng thửa ruộng. Dưới sự lãnh đạo của

1. Xem Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương: *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Sđd, t.II, tr.1075.

Bàn Hồng Tiên, Hợp tác xã Đồng Vàng đã trở thành hợp tác xã điển hình tiên tiến trong phong trào làm thủy lợi của tỉnh Tuyên Quang. Trong cuộc sống, đồng chí luôn gương mẫu đi đầu thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nên được bà con tin yêu.

Ngày 1-1-1967, Bàn Hồng Tiên được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

LA VĂN TIẾN

Anh hùng La Văn Tiến, sinh năm 1953, là người dân tộc Nùng, quê ở xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Anh gia nhập lực lượng quân đội và đóng quân tại Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 123, bộ đội địa phương tỉnh Lạng Sơn, Quân khu 1.

Ngày 17-2-1979, chiến tranh biên giới phía Bắc xảy ra. Định cho một lực lượng lớn có pháo binh yểm trợ bắn phá ác liệt vào điểm cao 421 (Pò Tâm, Chi Ma, Lộc Bình). Đơn vị La Văn Tiến chiến đấu rất dũng cảm, đẩy lùi hết đợt tấn công này đến đợt tấn công khác của địch. Sau hơn một giờ chiến đấu quyết liệt với địch, trung đội có một số hy sinh và bị thương được đưa về phía sau, La Văn Tiến và hai người khác ở lại tiếp tục chiến đấu cơ động. Nhận thấy quân địch có ưu thế về lực lượng lại có pháo binh yểm trợ, quân ta lúc này lại gặp nhiều thương vong, lực lượng chỉ viện chưa tới, La Văn Tiến đã mưu trí cùng hai người đồng đội sử dụng chiến thuật nghi binh để đối phó với địch. Các đồng chí đã thay đổi vị trí liên tục,

lúc ở đoạn giao thông hào này, khi sang đoạn giao thông hào khác, tùy theo số lượng địch, khoảng cách gần hay xa mà sử dụng các loại súng AK, B40 hay ném lựu đạn... làm cho quân địch tưởng lực lượng của ta còn nhiều, lưỡng lự không dám xông lên. Kết quả trận này, La Văn Tiến đã tiêu diệt và làm bị thương hơn 100 tên địch, bảo vệ được 2 thương binh. Anh cùng các đồng đội kiên cường chiến đấu, đẩy lùi các đợt tấn công của quân địch, giữ vững trận địa đến đêm 27-2-1979, khi hết đạn, La Văn Tiến rút khỏi trận địa và sang phối hợp với Đại đội 4 tiếp tục chiến đấu.

Với những chiến công giành được, La Văn Tiến được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng Ba. Ngày 20-12-1979, La Văn Tiến được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, binh nhất, Tiểu đội phó Đại đội 3, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 123, bộ đội địa phương tỉnh Lạng Sơn, Quân khu 1.

SƠN TON

Anh hùng Sơn Ton sinh năm 1933, là người dân tộc Khmer, quê ở xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Tiểu đội trưởng đặc công thuộc Trung đoàn 3, bộ đội miền Tây Nam Bộ¹.

Năm 1949, Sơn Ton tham gia du kích xã, rồi lên du kích tập trung huyện, sau chuyển thành bộ đội địa phương (tháng 1-1953).

Gần 7 năm, Sơn Ton vừa chiến đấu, vừa tham gia hoạt động xây dựng cơ sở cách mạng, tổ chức dân quân du kích chiến đấu trong vùng người dân tộc Khmer. Sơn Ton đã kiên trì vận động quần chúng, vạch trần rõ âm mưu của giặc, giác ngộ, tổ chức thanh niên người Khmer đứng lên cầm súng chống Pháp, bảo vệ làng xóm.

1. Xem Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương: *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Sđd, t.I, tr.260.

Dần dần, anh đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng tốt, nhiều tổ đội du kích, duy trì và phát triển phong trào chiến tranh du kích trong vùng đồng bào dân tộc Khmer ngày một vững chắc.

Cuối năm 1952, giặc đổ bộ vào xã, anh tổ chức giải cứu đạn, dụ địch vào diệt được nhiều tên, khiến nhân dân phấn khởi tin tưởng, phong trào du kích đi lên. Từ đó Sơn Ton tổ chức được 15 trung đội dân quân và 15 tiểu đội du kích thường xuyên tập luyện sẵn sàng đánh giặc.

Năm 1953, Sơn Ton được điều lên đội du kích tập trung của huyện. Năm 1954, ta mở chiến dịch tiến sâu vào vùng địch tạm chiếm. Anh dẫn đầu tổ vũ trang tuyên truyền (hầu hết anh em là người Việt) vào tuyên truyền xây dựng cơ sở. Đi đến sóc (làng) nào, Sơn Ton cũng xung phong vào trước để tuyên truyền giác ngộ đồng bào. Nhiều lần dựa vào nhân mối, Sơn Ton đã táo bạo đến thẳng bộ đội tuyên truyền vận động binh lính quay súng về với nhân dân. Đối với bọn ngoan cố thì kết hợp với dân quân tiến công tiêu diệt hoặc uy hiếp. Kết quả trong bảy tháng hoạt động, tổ vũ trang tuyên truyền đã diệt 67 tên địch, bắt sống 100 tên, thu 43 súng, vận động được nhiều binh lính về với nhân dân và động viên được 50 thanh niên tòng quân.

Do tinh thần tích cực, dũng cảm, Sơn Ton đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 4 lần được huyện, tỉnh,... khen.

Ngày 31-8-1955, Sơn Ton được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba và danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân¹.

1. Xem Phạm Gia Đức và cộng sự: *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*, *Sđd*, t.9, tr.27.

BO BO TỐI

Anh hùng Bo Bo Tối sinh năm 1945, là người dân tộc Raglai, quê ở xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, Xã đội trưởng xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn, tỉnh Phú Khánh (nay là tỉnh Khánh Hòa).

Bo Bo Tối làm liên lạc cho Thị ủy Cam Ranh từ tháng 2-1962 đến năm 1964, luôn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Từ năm 1965 đến tháng 4-1975, Bo Bo Tối hoạt động du kích xã. Tham gia 25 trận đánh, anh diệt được 60 tên địch (trong đó có 40 lính Mỹ, 7 lính Nam Triều Tiên), bắt bị thương 15 tên, bắn rơi 2 máy bay lên thẳng, phá hủy 1 xe quân sự.

Năm 1966, gặp một tiểu đội lính Mỹ lùng sục vào xã, Bo Bo Tối đã kịp thời nổ súng diệt 2 tên, bọn còn lại phải tháo chạy.

Năm 1970, các cuộc tấn công càn quét của địch tăng lên. Chúng làm sân bay trên núi Tà Nứa với hai đại đội của Mỹ và Nam Triều Tiên. Lợi dụng địa thế này, địch dùng súng cối và đại liên

bắn xuống buôn và nương rẫy phá hoại hoa màu của đồng bào. Dưới sự chỉ huy của Bo Bo Tối, du kích xã đã tiêu diệt một tiểu đội và bắn cháy một chiếc máy bay lên thẳng của địch. Bị thiệt hại, địch rút lui, ta thu hết chiến lợi phẩm, tiếp tục gài mìn vào vị trí bố phòng địch.

Tháng 3-1971, máy bay, pháo binh địch bắn phá ba ngày đêm liên vào xã Sơn Trung, sau đó một tiểu đoàn lính Mỹ càn vào địa phương định lập đồn bốt. Bo Bo Tối dẫn ba người lợi dụng địch chưa kịp đào công sự, dùng súng trung liên và tiểu liên bắn mãnh liệt vào giữa đội hình địch, diệt 12 tên, bắn bị thương nhiều tên khác. Bị đánh bất ngờ, địch hoảng hốt rút quân, bỏ ý định lập đồn bốt ở địa phương. Lần khác, Bo Bo Tối bí mật gài mìn, đào hầm chông rải rác nơi máy bay lên thẳng của địch thường đổ quân xuống. Kết quả, 1 máy bay bị phá hủy, diệt 30 tên Mỹ, địch hoang mang tháo chạy tán loạn.

Bo Bo Tối được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, 2 lần là Chiến sĩ thi đua, được tặng 10 bằng khen và giấy khen. Ngày 20-10-1976, Bo Bo Tối được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

HOÀNG VĂN TRAI

Anh hùng liệt sĩ Hoàng Văn Trai sinh năm 1959, là người dân tộc Nùng, quê ở xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Khi hy sinh, đồng chí là đoàn viên, Hạ sĩ, Tiểu đội trưởng, tiểu đoàn Cảnh sát Bảo vệ cơ động, Công an Lạng Sơn.

Sau khi học xong chương trình nghiệp vụ tại trường công an Cao Lộc, Hoàng Văn Trai được giao nhiệm vụ công tác ở Công an huyện Bảo Lạc và Quảng Hà. Khi chiến tranh biên giới sắp nổ ra, Hoàng Văn Trai được điều về tiểu đoàn Cảnh sát Bảo vệ cơ động thuộc Công an Lạng Sơn và được đề bạt làm Tiểu đội trưởng.

Sáng 17-2-1979, địch tấn công vào khu vực Đồng Đăng, chúng dồn dập nã đạn pháo vào nhiều nơi. Hoàng Văn Trai lập tức triển khai tiểu đội theo đội hình chiến đấu, phối kết hợp cùng các đơn vị khác, đồng thời bố trí lực lượng đưa người dân đi sơ tán, di chuyển và bảo vệ tốt tài sản của nhân dân và của Nhà nước về nơi an toàn.

Ngày 18-2-1979, Hoàng Văn Trai đã cùng đồng đội bám chốt đánh lui hàng chục đợt tấn công của địch. Riêng Hoàng Văn Trai tiêu diệt 11 tên, bắn bị thương nhiều tên khác. Đơn vị cảnh sát cơ động của Hoàng Văn Trai được điều động lên bảo vệ pháo đài Đồng Đăng. Đây là một công trình quân sự kiên cố đúc bằng bê tông cốt thép, được xây dựng từ thời Pháp thuộc. Toàn bộ pháo đài được đặt sâu trong lòng đất trên một ngọn đồi. Pháo đài có vị trí phòng ngự rất quan trọng bởi nó án ngữ đầu mỗi giao thông cả đường bộ và đường sắt chạy sang Trung Quốc. Chính vì vậy địch tập trung lực lượng lớn tấn công hòng đánh chiếm pháo đài, tạo đà để đánh chiếm thị trấn Đồng Đăng. Thời điểm này, cùng với các lực lượng khác như bộ đội, biên phòng, công an và dân quân chỉ có khoảng 30 người chiến đấu bảo vệ pháo đài¹. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt. Qua nhiều đợt tấn công, quân ta rút vào cố thủ trong pháo đài. Lúc này, pháo đài có ba cửa nhưng một cửa đã bị lấp từ trước, còn hai cửa bị địch chiếm giữ. Hoàng Văn Trai cùng các đồng đội vẫn kiên cường bám trụ tại những đường hào cạnh lối ra phía dưới chân pháo đài.

1. Xem <http://tuoitre.vn/tin/ban-doc/20130302/nguoi-anh-hung-xom-nui/536052.html>

Bị thiệt hại nặng, quân địch leo lên các mỏm núi xung quanh rồi từ đó dùng cối, đại liên cùng hỏa lực tầm xa khác bắn cấp tập, yểm hộ cho bộ binh tấn công. Nhưng khi bộ binh xông lên, chúng lại bị đánh bật, hết lớp này đến lớp khác. Bị nhốt trong pháo đài tối tăm, lương thực cạn dần, nước không có vì dòng suối gần đó đã bị địch chặn mất, chỉ còn mấy vũng nước đọng bắn thủ, đen ngòm trong pháo đài. Hoàng Văn Trai cùng đồng đội phải chia nhau ăn gạo sống, uống nước đọng. Quân địch đã chiếm được tầng trên cùng của pháo đài, chỗ sát đỉnh đồi, chúng liên tục bắc loa gọi quân ta đầu hàng. Đáp lại tiếng loa gọi hàng luôn là những loạt súng cùng lựu đạn ném thẳng lên trên. Không thể khuất phục được các chiến sĩ, chúng đặt thuốc nổ giật sập cửa lối dẫn xuống tầng dưới, dùng lựu đạn cay thả xuống các lỗ thông hơi, dùng súng phun lửa vào các ngách hầm¹. Hoàng Văn Trai bị thương ở chân nhưng anh vẫn bám trụ và yêu cầu đồng đội “hãy cắt chân tôi đi cho đỡ vướng” để chiến đấu chống địch. Tuy nhiên, do vết thương quá nặng, Hoàng Văn Trai đã hy sinh anh dũng ngay tại pháo đài.

1. Xem <http://vtc.vn/ky-uc-1721979-700-nguoi-hy-sinh-anh-dung-trong-phao-dai-kien-co.394.541206.htm>

Với tinh thần chiến đấu dũng cảm, kiên cường cùng những chiến công giành được trên chiến trường, Hoàng Văn Trai đã được truy tặng Huân chương Chiến công hạng Nhất. Ngày 13-8-1980, Hoàng Văn Trai được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

A TRANH

Anh hùng A Tranh tên thật là A Niết (A Niêk), sinh năm 1924, là người dân tộc Xơ Đăng, quê ở xã Đăk Uy, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Anh là nguyên mẫu của nhiều nhân vật trong các tác phẩm văn học kháng chiến, trong đó nổi bật là nhân vật Tnú trong tác phẩm *Rừng xà nu* của nhà văn Nguyên Ngọc.

Tháng 3-1945, A Niết cùng các thanh niên trai tráng của buôn làng tham gia đánh giặc. Là ngọn cờ đầu cách mạng tại địa phương, năm 21 tuổi, A Niết được người dân bầu làm Chủ tịch xã Đăk Uy. Để giữ bí mật, anh đã đổi tên thành A Tranh.

Tháng 7-1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc hoàn toàn độc lập, miền Nam vẫn còn nằm trong sự chiếm đóng của Pháp và sau đó là nằm dưới sự kìm kẹp của Mỹ và tay sai. Tại vùng H16¹, A Tranh đã lãnh đạo quần chúng

1. Bí danh của huyện Kon Rẫy trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

đứng lên phá bung áp chiến lược do địch lập nên, giải phóng tổng cộng hơn 600 đồng bào khỏi ách kìm kẹp và đưa họ trở về xây dựng vùng căn cứ cách mạng, đồng thời còn vận động được khoảng 300 con em đồng bào đang đi lính cho địch trở về với buôn làng¹.

Tháng 3-1961, cuộc đấu tranh vũ trang đầu tiên nổ ra ở Đắc Uy khi hơn 100 tên địch càn lên vùng căn cứ. A Tranh tổ chức cho du kích chống càn trong năm ngày tại hai điểm chính là làng Kon Pông và đôi Ngó Ngách. Ở làng Kon Pông, A Tranh hướng dẫn đồng bào làm hầm chông, thò, bẫy rồi rút đi. Địch hung hăng kéo vào, bất ngờ bị sập hầm chông, một số đã bị thương nặng. Khi chúng còn đang hoang mang thì đội du kích đánh ập vào, làm lực lượng của chúng bị thương rất nhiều. Ở đôi Ngó Ngách, 4 du kích do A Tranh trực tiếp chỉ huy đã phục kích sẵn. Chỉ với 3 khẩu súng trường Mát và 1 khẩu Garăng cũ kỹ, nhưng với lối đánh du kích xuất thần và lối bố trí chông, thò rất linh hoạt, họ đã chiến đấu với địch hàng giờ và tiêu diệt gần hết toán địch càn lên đôi Ngó Ngách. Trận đánh kết thúc, địch phải đưa máy

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: *Chân dung các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Kon Tum*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, tr.345.

bay lên thẳng đến bốc số bị thương và bị chết rồi rút quân¹.

Tháng 3-1964, A Tranh chính thức nhập ngũ và được giao nhiệm vụ Chính trị viên phó Huyện đội 16. Trong quá trình chiến đấu, anh đã trực tiếp tham gia 104 trận lớn nhỏ, diệt 70 tên địch (trong đó có 20 lính Mỹ), bắn cháy 2 máy bay trinh sát L19.

Đặc biệt trong chiến dịch Bắc Kon Tum năm 1966, địch sử dụng hơn 8.000 quân càn vào căn cứ lồm H16, hòng hủy diệt và đẩy lùi các lực lượng của ta ra ngoài. A Tranh đã chỉ huy đơn vị đánh trả quyết liệt, có ngày tới 15 trận, diệt hàng trăm tên và giữ vững căn cứ. Trong chiến dịch Tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân 1968, anh trực tiếp chỉ huy đơn vị thực hiện trận đánh giao thông trên đường 14 và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

A Tranh được tặng thưởng 12 huân chương các loại, trong đó có 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 2 lần là Chiến sĩ thi đua của Miền và mặt trận Tây Nguyên. Ngày 30-8-1995, A Tranh được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: *Chân dung các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Kon Tum, Sđd*, tr.346.

KẢN TRÉC

Nữ Anh hùng liệt sĩ Kản Tréc sinh năm 1938, là người Pa Cô, thuộc dân tộc Tà Ôi, quê ở xã Hồng Quảng, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Năm 1957, khi mới 19 tuổi, Kản Tréc đã tích cực đi đầu và vận động nhân dân địa phương cùng làm chông bẫy và nhiều loại vũ khí tự tạo đánh địch để bảo vệ buôn làng; tham gia nuôi giấu, che chở những cán bộ hoạt động bí mật để xây dựng cơ sở, nhen nhóm ngọn lửa cách mạng trong vùng.

Kản Tréc đã trực tiếp tham gia chiến đấu, lúc là chiến sĩ, lúc với cương vị chỉ huy. Trong giai đoạn 1957-1966, chị đã đánh tổng cộng 71 trận, bản thân diệt được 83 tên địch. Một trong những chiến công vang dội của chị là cùng với đội du kích tiếp cận sát sân bay A Lưới, dùng súng bộ binh bắn máy bay địch lên xuống đường băng và bắn rơi được 3 chiếc, ngăn cản hoạt động rải chất độc phá hoại mùa màng bằng máy bay của địch.

Kăn Tréc hy sinh khi đang trên đường về Quân khu Trị Thiên dự hội nghị mừng công tháng 11-1966. Khi hy sinh, đồng chí là Xã đội phó xã Hồng Quảng, huyện A Lưới, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Kăn Tréc được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 5 lần được tặng danh hiệu Dũng sĩ quyết thắng, Chiến sĩ thi đua. Ngày 30-8-1995, Kăn Tréc được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

CU TRÍP

Anh hùng Cu Tríp (tức Cao Minh Bôn) sinh năm 1933, là người dân tộc Cơ Tu, quê ở xã Hương Lâm, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Năm 1959, khi được giác ngộ lý tưởng, Cu Tríp đã nguyện một lòng một dạ đi theo cách mạng.

Anh đã trực tiếp tham gia 488 trận chiến đấu, diệt 548 tên địch, trong đó có 6 lính Mỹ. Anh đã được kết nạp vào Đảng, giữ cương vị Xã đội phó xã Hương Lâm, huyện A Lưới suốt nhiều năm.

Cu Tríp là người nổi tiếng trong vùng về dùng súng bộ binh bắn máy bay địch. Ngày 24-11-1971, Cu Tríp đã chỉ huy du kích xã bắn rơi 11 máy bay các loại, riêng anh đã bắn rơi 2 máy bay.

Với những thành tích xuất sắc, anh được tặng thưởng 2 Huân chương Chiến công hạng Nhất, 2 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 4 Huân chương Chiến công hạng Ba, 2 lần là Dũng sĩ diệt Mỹ cấp một và hai, 4 lần là Chiến sĩ thi đua. Ngày 30-8-1995, Cu Tríp được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐINH A TROI

Anh hùng Đinh A Troi (bí danh Nguyễn Hồng Sang) sinh năm 1944, là người dân tộc Bana, quê ở xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

Đinh A Troi tham gia cách mạng từ tháng 2-1962, đã tham gia 40 trận chiến đấu, diệt 50 lính Mỹ, 16 tên biệt kích, bắn cháy 2 máy bay, cùng đồng đội bắn hạ 1 máy bay khác, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng và tài liệu của địch.

Đầu tháng 7-1967, Đinh A Troi đã cùng đồng đội tổ chức đánh địch đi càn quét vào làng K74. Tại chiến trường, sau khi nhiều lính Mỹ bị tiêu diệt, một chiếc HU-1A hạ xuống trận địa để bốc xác lính Mỹ đi. Nấp tại một gò đất, nhóm của Đinh A Troi phân công nhau, mỗi người nhắm một phần máy bay và đồng loạt nổ súng. Bị trúng đạn, chiếc HU-1A ngay lập tức rời đi nhưng vẫn không thể thoát, chỉ một phút sau đã rơi xuống đất và nổ tung.

Tháng 11-1968, Đinh A Troi được giao phụ trách một tổ ba người bảo vệ Đại hội Đảng bộ tỉnh, anh đã phát hiện và cùng đồng đội tiêu diệt 7 tên biệt kích đang xâm nhập vào khu căn cứ. Riêng anh diệt được 4 tên.

Cuối tháng 9-1969, chiến sự tại mặt trận vùng núi Vĩnh Thạnh diễn ra vô cùng ác liệt. Vào thời điểm đó, Đinh A Troi cùng các đồng đội được phân công bảo vệ kho hàng ở làng K93 (xã Vĩnh Kim). Một buổi chiều, máy bay Mỹ đột kích, bắn phá tới tấp vào kho hàng. Đinh A Troi vừa chỉ huy dân quân, du kích di chuyển chỗ ở, vừa bảo vệ hàng hóa. Trong tình huống nguy hiểm, anh phải chuyển một thùng hàng nặng tới 80kg¹ ra khỏi kho - một việc mà khi bình thường hiếm ai có thể làm được một mình. Giữa lúc đó, một chiếc HU-1A sà xuống thấp, bắn xối xả vào nhóm của A Troi làm một người trúng đạn, hy sinh tại chỗ. Đinh A Troi giấu thùng hàng, vọt ra ngoài, dùng súng AK bắn một loạt ba viên trúng chiếc HU-1A. Chiếc máy bay bốc cháy, lao

1. Sau này, Đinh A Troi mới biết thùng hàng 80kg mà mình bảo vệ đựng toàn vàng, thực chất là một tài sản quan trọng của quốc gia (theo “Chuyện một anh hùng ba lần bắn rơi máy bay Mỹ”, <http://www.baobinhdinhh.com.vn/Butky-phongsu/2008/10/67349>).

đảo rồi rơi xuống khu vực gần đó, toàn bộ đội bay bên trong bị tiêu diệt.

Ngày 12-10-1970, địch dùng máy bay đổ bộ một đại đội lính Mỹ, có máy bay và pháo binh yểm trợ tấn công vào khu căn cứ. Đình A Troi đã cùng với hai du kích ngoan cường chiến đấu đánh lui nhiều đợt phản công của địch, tiêu diệt 30 lính Mỹ, riêng anh diệt được 14 tên.

Cuối tháng 10-1970, trên đường đi tuần tra, Đình A Troi đã bắn cháy thêm 1 máy bay lên thẳng, tiêu diệt 2 lính Mỹ.

Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, anh được tặng thưởng 1 Huân chương Giải phóng hạng Nhì, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, các danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ, Dũng sĩ bắn máy bay. Ngày 22-7-1998, Đình A Troi được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

LỘC VĂN TRỌNG

Lộc Văn Trọng sinh năm 1905, là người dân tộc Tày, quê ở xã Chí Thảo, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng, nhập ngũ năm 1950. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Trung đội phó lái xe ô tô thuộc Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam¹.

Năm 1948, giặc mở trận càn vào làng, Lộc Văn Trọng cùng tổ du kích dũng cảm chiến đấu, bắt sống 2 tên lính Pháp, thu 2 tiểu liên và 200 viên đạn. Năm 1950, Lộc Văn Trọng xung phong vào bộ đội, tham gia lái xe phục vụ chiến dịch Biên giới. Trong chiến dịch này, Lộc Văn Trọng cùng các đồng đội lái xe đã thu được nhiều chiến lợi phẩm ở Đông Khê, Thất Khê. Xe bị hư hỏng nhiều, anh đã vận động anh em lái xe thu nhặt phụ tùng ở những xe bị hỏng, sửa chữa liên tục trong nhiều ngày đêm được 36 chiếc xe, kịp thời phục vụ đắc lực cho việc vận chuyển sau chiến

1. Xem Phạm Gia Đức và cộng sự: *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*, *Sđd*, t.9, tr.35.

dịch. Riêng Lộc Văn Trọng đã sửa được 4 xe. Cuối năm 1952, dịch đánh lên vùng Đoan Hùng, Lộc Văn Trọng cùng anh em chuyển kho, cứu hàng ra ngoài, suốt đêm mưa, anh cùng đồng đội đã đưa được 80 thùng xăng và 14 tấn vũ khí ra ngoài an toàn.

Một lần, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, do yêu cầu vận chuyển cấp tốc, đoàn xe phải vượt một trọng điểm, xe vừa chạy thì một quả bom nổ chặn đường, máy bay địch quần lượn, Lộc Văn Trọng đã ra lệnh tắt đèn và lái xe vượt qua khu vực nguy hiểm.

Thời gian 5 năm lái xe đã in dấu những đóng góp to lớn của Lộc Văn Trọng cho cách mạng, cho sự nghiệp kháng chiến chống Pháp để giải phóng quê hương đất nước. Anh đã được tặng thưởng một Huân chương Chiến công hạng Nhất, được Cục Vận tải khen và bầu là Chiến sĩ lái xe xuất sắc.

Ngày 31-8-1955, Lộc Văn Trọng được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba và danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân¹.

1. Xem Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương: *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Sđd, t.I, tr.267.

CẨM BÁ TRÙNG

Anh hùng Cẩm Bá Trùng sinh năm 1950, là người dân tộc Thái, quê ở xã Luận Khê, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Tham gia quân ngũ, Cẩm Bá Trùng khi thì là bộ đội vận tải, lúc thì được biên chế vào một đại đội công binh. Từ năm 1965 đến 1972, Cẩm Bá Trùng làm nhiệm vụ bảo đảm giao thông, mở đường, phục vụ vận tải trên tuyến đường Trường Sơn, có lúc tham gia những trận tiêu diệt thám báo, biệt kích địch khi chúng phá hoại đường dây 559 ở Nam Lào và chiến trường Khu 5.

Suốt sáu tháng năm 1965, Cẩm Bá Trùng đã chỉ huy tiểu đội bảo đảm giao thông ở ngầm Tôm Ru, dốc Tà Beng, dốc 18, đường 128. Bom đạn địch rất ác liệt, có thời điểm không lúc nào ngớt tiếng bom đạn trong suốt nhiều ngày. Ngày 20-2-1969, anh đã đi bộ dẫn dắt từng chiếc xe vượt qua bãi bom nổ chậm, giải phóng đoàn xe 25 chiếc khỏi vị trí nguy hiểm để tiếp tục chở hàng vào chiến trường.

Tháng 2-1971, một đoàn xe 40 chiếc bị máy bay địch đánh trúng đội hình. Đường bị tắc, một số xe bị cháy. Mặc cho máy bay địch đang quần lượn, anh vẫn bình tĩnh chỉ huy tiểu đội san lấp hố bom, dập lửa, băng bó cho thương binh và dẫn dắt từng chiếc xe vượt qua trọng điểm. Nhờ đó, hơn 30 xe còn lại được an toàn, thương binh được đưa về cấp cứu chu đáo.

Cuối năm 1971, Cầm Bá Trùng chỉ huy tiểu đội bảo đảm giao thông đoạn đường 35. Anh đã có sáng kiến dùng tre, nứa làm xe giả, dùng bình điện ắc quy bật đèn sáng trên đoạn đường mà xe không đi để đánh lừa địch. Mắc mưu, địch đã đánh vào đoạn đường nghi binh hàng trăm quả bom. Nhờ đó, đoạn đường do tiểu đội của anh phụ trách được an toàn.

Trong năm 1972, anh chỉ huy tiểu đội bảo đảm giao thông trên tuyến 24, bảo đảm cho tiểu đội luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Ngoài ra, những khi tham gia mở đường, anh luôn dẫn đầu đại đội về năng suất đào đất, phá đá (vượt 30-40% chỉ tiêu), nêu gương tiêu biểu cho đơn vị học tập.

Cầm Bá Trùng đã được tặng thưởng 3 Huân chương Chiến công hạng Ba, 17 bằng khen và giấy khen, 3 lần là Chiến sĩ thi đua, 1 lần là

Chiến sĩ quyết thắng. Ngày 6-11-1978, Cẩm Bá Trùng được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Thượng sĩ, Đại đội phó công binh thuộc Đại đội 8, Tiểu đoàn 3, Sư đoàn 472, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

PHẠM MINH TƯ

Anh hùng Phạm Minh Tư sinh năm 1948, là người dân tộc Raglai, quê ở xã Nghĩa Minh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Sinh ra ở Quảng Ngãi nhưng anh hoạt động cách mạng chủ yếu ở vùng núi rừng Bình Thuận.

Tháng 5-1965, Phạm Minh Tư tham gia quân đội. Trong suốt quãng đời chiến đấu của mình, Phạm Minh Tư đã tham dự 91 trận đánh, tiêu diệt tại chỗ 122 tên địch và bắn bị thương 52 tên, bắt sống 10 tên khác, bắn rơi một trực thăng vũ trang¹.

Trong trận đánh Ấp Dưa, xã Lạc Tánh (huyện Đức Linh) ngày 3-7-1968, Phạm Minh Tư phụ trách hai mũi dự bị của trung đội trinh sát. Khi mũi chủ yếu vào trinh sát chiếm lĩnh trận địa bị lộ không tiến lên được, anh nhanh chóng đưa hai

1. Xem “Anh hùng lực lượng vũ trang Phạm Minh Tư: Người con của đồng bào dân tộc Rai”, <http://www.baobinhthuan.com.vn/xa-hoi/anh-hung-luc-luong-vu-trang-pham-minh-tu-nguoi-con-cua-dong-bao-dan-toc-raibr-71250.html>.

mũi dự bị lên. Một mũi đánh thẳng vào sở chỉ huy địch, một mũi tạt sườn. Sau 30 phút chiến đấu, hai mũi do anh chỉ huy đã chiếm được sở chỉ huy địch, diệt 18 tên.

Ngày 25-8-1968, Phạm Minh Tư cùng hai đồng đội đang làm nhiệm vụ trinh sát thì phát hiện 4 quả mìn định hướng của địch bố trí để phục kích quân ta. Anh đã bí mật quay mìn về phía địch và cho nổ. Kết quả là ta đã diệt và bắt sống 30 tên, thu 13 súng, phá hủy 2 máy thông tin, lực lượng rút ra an toàn.

Ngày 8-11-1968, sau khi hoàn thành nhiệm vụ điều tra sân bay địch, trên đường về, Phạm Minh Tư thấy một nhóm lớn địch đang ngủ trong một trường học. Thấy thời cơ thuận lợi, anh tổ chức cho anh em bất ngờ tiến công diệt hầu hết quân địch (52 tên), thu 8 súng, 1 máy thông tin PRC-25.

Đông Xuân 1974-1975, Phạm Minh Tư làm nhiệm vụ dẫn đường cho đơn vị bạn đi nghiên cứu tình hình địch. Bất kỳ lúc nào có yêu cầu là anh vui vẻ lên đường làm nhiệm vụ, bị thương nặng cũng không rời vị trí. Trong cuộc tổng tiến công mùa xuân năm 1975, Phạm Minh Tư đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đưa bộ đội chủ lực về giải phóng hoàn toàn Tánh Linh và Hoài Đức¹.

1. Xem “Anh hùng lực lượng vũ trang Phạm Minh Tư: Người con của đồng bào dân tộc Rai”, *Tlđđ*.

Phạm Minh Tư đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, 2 lần là Chiến sĩ thi đua, 23 bằng khen và giấy khen. Ngày 6-11-1978, Phạm Minh Tư được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Trung úy, Chính trị viên Đại đội 432 bộ binh, bộ đội địa phương huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

DANH THỊ TƯƠI

Nữ Anh hùng liệt sĩ Danh Thị Tươi sinh năm 1923, là người dân tộc Khmer, quê ở ấp 11, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Năm 1955, Danh Thị Tươi tham gia hoạt động cách mạng, làm nông hội viên và hoạt động rất tích cực.

Từ năm 1956 đến năm 1959, Danh Thị Tươi được lãnh đạo xã Khánh Bình Đông phân công dẫn đầu nhiều đoàn biểu tình đấu tranh trực diện, đưa ra những yêu sách buộc chính quyền địch phải nhượng bộ. Ngày 7-10-1959, xã tổ chức một cuộc biểu tình với quy mô hơn 500 người, chia thành nhiều hướng, nhiều mũi tiến về chi khu Rạch Ráng. Mũi thứ nhất do Danh Thị Tươi dẫn đầu tiến thẳng vào chỉ huy chi khu, giáp mặt tên quận trưởng. Nhóm biểu tình hô to những khẩu hiệu đòi quyền sống của nhân dân, đấu tranh chống bắn pháo bờ bãi, chống phong tỏa lúa gạo vùng giải phóng, đòi trở về ruộng vườn cũ để làm ăn.

Chỉ huy địch cho lính đàn áp để giải tán đoàn biểu tình, đồng thời bắt Danh Thị Tươi để uy hiếp phong trào. Bị tra tấn dã man, chị vẫn kiên quyết không hé lộ thông tin. Bất lực trước khí phách anh hùng của chị, địch đã đem chị ra cầu tàu Rạch Rắn xử bắn rồi ném xác xuống dòng sông chảy xiết¹.

Bà con tổ chức vớt xác chị đem ra Cà Mau tiếp tục đấu tranh. Tuy vậy, khi đoàn chở thi hài đi giữa đường thì bị kẻ thù chặn cướp và đem tiêu hủy. Bà con đã lập nắm mồ tượng trưng cho Danh Thị Tươi tại Nghĩa trang Rạch Ráng với tình thương sâu sắc như con em ruột thịt của chính mình².

Ngày 11-6-1999, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng Danh Thị Tươi danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

1. Xem Trần Bạch Đằng: *Chung một bóng cờ: Về Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.190.

2. Xem “Những người phụ nữ Cà Mau được tuyên dương anh hùng”, Báo *Cà Mau*, ngày 6-3-2011.

LÂM TƯƠNG

Anh hùng Lâm Tương sinh năm 1942, là người dân tộc Khmer, quê ở thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Tháng 2-1962, Lâm Tương vào bộ đội.

Đối với các du kích miền Nam, Lâm Tương nổi tiếng với chiến thuật tiếp cận hỏa điểm bằng vũ khí thô sơ mà người ta hay gọi là “chiến thuật dao phay”. Với con dao phay giắt ở lưng quần, Lâm Tương một mình cắt dây, bò xuyên qua tầng tầng lớp lớp hàng rào quanh các đồn địch. Sau khi qua vòng dây kẽm gai thứ nhất và đến những vòng rào tiếp theo, một khi đã cảm thấy vừa tầm, Lâm Tương bắt đầu dùng dao đào một cái hố thật sâu đủ để bảo vệ bản thân trước làn đạn. Sau đó, anh quăng lựu đạn về phía địch. Đúng tầm, chính xác và bảo đảm yếu tố bất ngờ là điều kiện để những quả lựu đạn được ném ra có thể diệt gọn hỏa điểm của địch. Khi bị bắn trả, Lâm Tương chỉ việc yên chí chờ trong hố cá nhân, đợi ngớt tiếng súng rồi tiếp tục ra tay.

Chỉ tính trong hai năm 1968-1969, Lâm Tương đã tham gia 28 trận đánh, diệt 150 tên

địch, phá hủy 12 xe quân sự, loại khỏi vòng chiến đấu 70 tên phòng vệ dân sự, đánh sập 2 cầu sắt, 15 cống, phá hủy 1 khẩu pháo 105 ly.

Bước vào cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, huyện đội Vĩnh Châu được lệnh đánh thẳng vào chi khu Vĩnh Châu. Tổ công binh của Lâm Tương có 5 người được giao nhiệm vụ cắt đứt đường 38, không cho địch rút lui hay chi viện lẫn nhau, nhằm tạo điều kiện cho nhân dân nổi dậy tấn công tiêu diệt địch. Lâm Tương đã vận động quần chúng phá hàng nghìn mét đường¹. Kết quả trận này, lực lượng của ta diệt được khoảng 180 tên địch và thu hàng trăm súng các loại. Riêng tổ của Lâm Tương đã tiêu diệt 31 tên, đẩy lui hàng chục đợt phản công của giặc, cắt đứt và làm chủ đoạn lộ dài 1km trong hai tháng trời.

Trong một trận càn, địch đưa 2 khẩu pháo 105 ly bắn vào ấp. Lâm Tương đã cùng tổ chiến đấu, phá hủy 1 khẩu pháo và làm hỏng khẩu kia, diệt 2 xe và 28 tên địch, làm thất bại cuộc càn quét của địch.

Được giao nhiệm vụ đánh sập cầu Vĩnh Châu - một cây cầu lớn bắc qua dòng sông chảy xiết, với

1. “Chiến đấu giỏi, công tác quần chúng tốt (Anh hùng Lâm Tương, bộ đội địa phương tỉnh Sóc Trăng)”, Báo Nhân dân, số ra ngày 5-10-1970.

lực lượng địch canh gác hết sức cẩn thận, anh điều tra nghiên cứu suốt 15 ngày đêm, tính toán kỹ lưỡng các phương án đánh sập cầu. Cuối cùng, anh quyết định đưa một quả bom 500kg tới cách cầu 50m, sau đó ôm bom lặn xuống nước đẩy vào vị trí sao cho đánh sập cầu mà vẫn có luồng nước chảy cho thuyền bè nhân dân đi qua được. Đúng như dự kiến, vào lúc 4 giờ sáng, bom nổ làm sập cầu về một phía, toàn bộ bọn địch gác trên cầu rơi xuống. Gặp tình huống bất ngờ, địch không kịp đối phó, phải bỏ các cuộc hành quân qua cầu.

Trận áp Na Dong, tổ Lâm Tương chỉ có 5 người chống lại 400 tên địch đi càn suốt từ sáng đến trưa. Anh em chiến đấu rất dũng cảm, diệt được một số tên. Theo sự chỉ huy của Lâm Tương, tuy cả 5 người đều bị thương, họ vẫn dìu nhau mang theo đủ vũ khí vượt vòng vây của địch để trở về căn cứ an toàn.

Lâm Tương đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất và 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba. Ngày 5-9-1970, Lâm Tương được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Đội phó công binh, bộ đội địa phương tỉnh Sóc Trăng, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

LỤC VĨNH TƯỚNG

Anh hùng Lục Vĩnh Tường sinh năm 1948, là người dân tộc Thái, quê ở xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Lục Vĩnh Tường nhập ngũ tháng 4-1966, tham gia chiến đấu liên tục 6 năm ở chiến trường Trị - Thiên, trực tiếp đánh 40 trận, trận nào cũng bình tĩnh, dũng cảm, mưu trí, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trong thời gian diễn ra chiến dịch Quảng Trị, Lục Vĩnh Tường đã bắn 11 quả đạn, diệt 11 xe tăng, góp phần cùng đơn vị chi viện đặc lực cho bộ binh bẻ gãy nhiều đợt phản kích của địch, đồng thời cũng góp phần đập tan chiến thuật “xe tăng bầy”, “vỏ thép cứng di động” của Mỹ và tay sai.

Tại cụm Đông Hà - Lai Phước thuộc chiến trường Quảng Trị, trong trận đánh ngày 23-4-1972, một chi đoàn xe tăng địch từ Đông Hà dẫn bộ binh ra phản kích. Lục Vĩnh Tường bình tĩnh chờ địch vào tầm bắn, ngay phát đạn đầu đã diệt 1 xe tăng. Tiếp đó, anh bắn 5 quả đạn và diệt 5

chiếc tăng nữa, lập kỷ lục cá nhân về xác suất trúng đích đạt 100%. Trận này, đơn vị của Lục Vĩnh Tường đã diệt gọn một chi đội xe tăng gồm 10 chiếc của địch. Đây cũng là lần đầu tiên ta đưa hỏa tiễn chống tăng B-72 vào thực chiến, ngay lập tức hạ ngay được xe tăng M48A3 mang biệt hiệu “pháo đài thép di động” của địch¹.

Trong trận đánh Đông Hà ngày 25-4-1972, tuy mang vác nặng, Lục Vĩnh Tường vẫn theo sát đoàn bộ binh xung phong. Khi đến được vị trí chiến đấu, anh bỏ thời gian chuẩn bị trận địa suốt đêm và hôm sau tham gia chiến đấu cả ngày. Mặc cho pháo binh, máy bay địch đánh phá ác liệt vào trận địa, anh vẫn bình tĩnh và tập trung theo dõi xe tăng địch. Thấy 2 chiếc vừa từ công sự tiến ra phản kích, Lục Vĩnh Tường phóng ra 2 quả đạn, diệt cả 2 xe tăng.

Ngày 29-9-1972, 3 xe tăng địch từ Tích Tường có hỏa lực mạnh yểm trợ, phản kích vào trận địa của đơn vị. Lục Vĩnh Tường bình tĩnh chờ địch vào gần, bắn 3 quả đạn và diệt gọn cả 3 chiếc, tạo điều kiện cho bộ binh xuất kích tiêu diệt nhiều địch. Như vậy, trong toàn chiến dịch

1. Xem Phạm Huy Dương, Phạm Bá Toàn: *Đại thắng mùa xuân 1975: Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.168.

Quảng Trị, Lục Vĩnh Tường đã bắn hạ tổng cộng 11 chiếc xe tăng bằng B-72, duy trì được kỷ lục bắn trúng 100%.

Ngày 6-11-1972, trong một tình huống phòng thủ, địch dùng pháo bắn rất dữ dội vào trận địa của ta và lợi dụng khói đạn mù mịt cho bộ binh xuất kích. Thấy địch ném lựu đạn vào hầm, anh nhanh chóng vọt ra khỏi hầm, dùng tiểu liên diệt 4 tên.

Với các chiến công xuất sắc nêu trên, Lục Vĩnh Tường được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 3 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, 3 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ quyết thắng, 3 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua. Ngày 23-9-1973, Lục Vĩnh Tường được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Trung sĩ, Khẩu đội trưởng hỏa tiễn chống tăng thuộc Đại đội 15, Tiểu đoàn 371, Bộ Tư lệnh Pháo binh, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

ĐÌNH TỶ

Anh hùng Đình Tỷ sinh năm 1920, là người dân tộc Mường, quê ở xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Khi hy sinh, anh là đảng viên, chiến sĩ du kích xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Năm 1947, Đình Tỷ được giác ngộ cách mạng, tình nguyện tham gia lực lượng du kích trung kiên của xã.

Trong khoảng hai năm tham gia lực lượng du kích, Đình Tỷ đã đánh hàng chục trận, diệt và làm bị thương hàng chục tên địch. Chính vì vậy, anh trở thành mục tiêu mà kẻ địch săn lùng.

Năm 1949, Đình Tỷ bị bắt tại nhà, giặc đánh đập, tra khảo anh rất dã man, bị gãy một cánh tay nhưng anh vẫn kiên quyết không khai báo. Sau đó, quân địch đưa Đình Tỷ về đồn Vạn Yên để tiếp tục tra tấn. Sau khi đánh gãy nốt cánh tay còn lại mà vẫn không khuất phục được ý chí kiên trung của người chiến sĩ du kích Đình Tỷ, cuối cùng, kẻ địch quyết định hành quyết anh trong sự bất lực.

Ngày 17-5-1949, địch dồn người dân xã Tân Phong đến xem chúng hành quyết Đinh Tỷ, hòng răn đe và làm nhụt ý chí chiến đấu của nhân dân. Địch đổ dầu vào người Đinh Tỷ rồi châm lửa đốt. Khi lửa tắt, Đinh Tỷ vẫn chưa chết mà còn hô vang: “Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm! Đảng Cộng sản Việt Nam muôn năm. Thà chết không để mất nước!”.

Ngày 31-7-1998, Đinh Tỷ được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân¹.

1. Xem Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương: *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.274.

TẠ QUANG TỶ

Anh hùng Tạ Quang Tỷ sinh năm 1925, là người dân tộc Hoa, quê ở xã Vĩnh Hòa Hưng, Gò Quao, tỉnh Rạch Giá (nay thuộc tỉnh Kiên Giang).

Trong suốt cuộc đời chiến đấu, Tạ Quang Tỷ luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tính riêng tới năm 1967, anh đã cùng đơn vị chiến đấu 34 trận, lập nhiều chiến công gắn liền với quá trình trưởng thành nhanh chóng và thắng lợi vẻ vang của bộ đội chủ lực miền Đông Nam Bộ.

Trong chiến dịch Bình Giã năm 1964, đơn vị của Tạ Quang Tỷ đánh chặn Chi đoàn 3 thiết giáp địch đi tiếp cứu cho ấp chiến lược Bình Giã trở về trên đường 2.

Với cương vị là chỉ huy đại đội đón đầu đoàn xe địch, anh cho anh em bố trí sẵn trận địa phục kích. Đợi khi đoàn xe đi vào tầm bắn thuận lợi liền ra lệnh nổ súng làm lật nghiêng chiếc M113 đi thứ hai, chắn ngang đường đi của những chiếc theo sau. Bị tấn công bất ngờ,

những chiếc xe đi sau vội co cụm lại, chống trả quyết liệt. Tạ Quang Tỹ điều ngay súng máy bắn áp đảo địch để cho các chiến sĩ xông lên diệt từng chiếc một. Sau một hồi giằng co giữa hai bên, biết ta thua kém về vũ khí, lại quan sát thấy chiếc xe đi đầu của địch quay lại trận địa, anh liền xông tới đu lên, đẩy mũi súng trên xe ra chỗ khác và nhanh như cắt nhét ngay quả lựu đạn vào xe diệt những tên ở bên trong. Tiếp đó, anh leo hẳn lên xe, đẩy xác tên bắn đại liên ra và dùng luôn súng địch bắn trả mãnh liệt vào những chiếc máy bay phản lực Mỹ đang điên cuồng nhả đạn xuống hai bên đường hòng cứu nguy cho đoàn xe. Cùng với một đơn vị bạn vận động lên hỗ trợ, đại đội của Tạ Quang Tỹ diệt gọn cả chi đoàn xe bọc thép tinh nhuệ của địch với hơn 100 tên. Chính trong chiến dịch này, anh được anh em mến tặng cho danh hiệu “Đại đội trưởng chặn đầu”¹.

Trong chiến dịch Đồng Xoài (tháng 5 đến tháng 7-1965), Tạ Quang Tỹ đã được tặng tiếp một danh hiệu khác là “Đại đội trưởng đột phá”.

1. Xem “Người cán bộ chỉ huy xuất sắc (viết về anh hùng Tạ Quang Tỹ, bộ đội chủ lực miền Đông Nam Bộ)”, *Báo Quân đội nhân dân*, ngày 16-10-1967.

Khi đó, lực lượng của ta lâm vào tình thế không đột phá được vào cứ điểm bởi những lô cốt và trọng liên, đại liên, xe tăng, pháo binh của địch ra sức ngăn cản các mũi tấn công. Ban chỉ huy tiểu đoàn liền ra lệnh cho Tạ Quang Tỹ và một sĩ quan khác từ đại đội dự bị về chỉ huy trận đánh. Sau khi phân tích tình hình, Tạ Quang Tỹ chọn một lô cốt trên đầu cầu là mục tiêu cần ưu tiên loại bỏ trước. Anh hạ lệnh cho tổ súng máy bắn nghi binh ở vị trí khác để thu hút hỏa lực của địch. Lợi dụng kẻ địch không chú ý, các chiến sĩ ào cả lên chiếm lô cốt đầu cầu. Bất chấp bị thương ở vai, anh vẫn tiếp tục xông xáo chỉ huy đơn vị đánh phát triển vào trong lòng cứ điểm, chiếm thêm mấy lô cốt và khu nhà lính biệt động nơi đóng vai trò là điểm phòng ngự then chốt. Thấy mũi đột kích chủ yếu vẫn đang bị hỏa lực của địch ngăn chặn, anh chỉ huy đơn vị bất ngờ đánh vào từ phía sau lưng địch, khiến chúng hốt hoảng và phải xin hàng.

Tháng 11-1965, Tạ Quang Tỹ tham gia trận phục kích một đoàn xe 300 chiếc của địch đi từ Cẩm Xe về Dầu Tiếng. Lần này anh không chỉ huy mũi chặn đầu nữa mà dẫn đầu bộ đội xung phong diệt và chặn đứng đoàn 200 xe ở phía sau lên. Tạ Quang Tỹ chạy thẳng lên mặt đường, một khẩu đội kèm bên cạnh, một phân đội vòng bên

sườn. Trước mặt lực lượng của ta là một đoàn xe tăng, xe bọc thép địch dài khuất sau rừng cây, tiếng máy rú âm âm, xích sắt nghiền đá với súng máy, đại bác 76 ly và súng phun lửa quét dữ dội. Sau nhiều đợt tấn công của địch, đại đội của anh vẫn trụ vững. Khi súng hết đạn, anh đã ném 50 quả lựu đạn và thủ pháo diệt xe địch. Với tinh thần chiến đấu ngoan cường, Tạ Quang Tỷ và đại đội đã chặn đứng được hơn 200 xe quân sự, góp phần xứng đáng vào chiến thắng tiêu diệt 40 xe cơ giới và 400 lính Mỹ. Gương chiến đấu của Tạ Quang Tỷ đã đem lại cho anh thêm danh hiệu “Đại đội trưởng khóa đầu”.

Tạ Quang Tỷ đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng Nhì, nhiều huân chương chiến công và bằng khen, giấy khen, dũng sĩ các loại. Ngày 17-9-1967, Tạ Quang Tỷ được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Khi được tuyên dương, đồng chí là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 2, Sư đoàn 9 bộ đội chủ lực miền Đông Nam Bộ, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau chiến tranh chống Mỹ, với vai trò là một chỉ huy cấp cao của Sư đoàn 9 - đơn vị mạnh nhất miền Đông Nam Bộ, Tạ Quang Tỷ

còn tham gia vào cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam chống quân Pôn Pốt¹. Đồng chí đã chỉ huy đơn vị đánh nhiều trận cam go, quyết liệt, tạo đà chiến thắng cho sự nghiệp giải phóng nhân dân Campuchia khỏi ách diệt chủng của Khơme đỏ.

1. Xem “Lịch sử Sư đoàn 9”, <http://ccbsu9.org/contents/index.php/l-ch-s-va-tu-li-u/l-ch-s-su-doan-9/574-ph-n-th-nh-t-chuong-hai>

HỒ ĐỨC VAI

Anh hùng A Vai (tên khác là Hồ Đức Vai) sinh năm 1942, là người Pa Cô, thuộc dân tộc Tà Ôi, quê ở làng Lê Lốc, xã Hồng Bắc, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Được cách mạng giúp đỡ và giáo dục, A Vai hăng hái tham gia hoạt động kháng chiến. Công việc đầu tiên mà A Vai được giao là nhiệm vụ làm liên lạc, sau đó là vận động nhân dân chống giặc bắt lính, vót chông rào làng và trồng sắn ủng hộ cách mạng.

Năm 1961, tiểu đội du kích đầu tiên của người Pa Cô trên dải Trường Sơn được thành lập, A Vai được bầu làm Tiểu đội trưởng.

Trong năm 1961, anh đã đánh 22 trận, diệt 32 tên địch, bắn bị thương 9 tên, làm sập hầm chông chết 1 tên và làm bị thương 50 tên khác. Lợi dụng địa hình rừng núi, đồng chí thường phát huy lối đánh nhỏ lẻ, bất ngờ, tiến công rất táo bạo, dũng cảm, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Ngày 3-3-1963, lợi dụng trời tối, A Vai dẫn một số tổ dân quân vào quấy rối đồn A Lưới. Đang

cất lưới bò qua hàng rào thì chiến sĩ của ta phát hiện được một loại mìn mới địch gài mà chưa ai biết cách tháo gỡ. Không hề nản chí, A Vai vẫn giữ vững quyết tâm tiếp tục trận đánh, tạm thời cho anh em lui ra, một mình anh ở lại nghiên cứu tìm cách khắc phục. Nhờ sự can đảm và bình tĩnh, cuối cùng anh đã gỡ được mìn, tiếp tục chỉ huy anh em tiến vào đánh địch và rút ra an toàn. Khi ra về, tiểu đội còn mang đủ số mìn đã thu được để sau này dùng vào việc huấn luyện và gài xen với chông bẫy bảo vệ xóm làng.

Ngày 20-3-1963, chi bộ đảng, cán bộ cơ sở Hồng Bắc đã bố trí 7 du kích do A Vai chỉ huy tiếp cận đồn A Lưới, bất chấp nguy hiểm dùng loa kêu gọi, giải thích chính sách khoan hồng của ta, khuyên binh lính, sĩ quan địch bỏ súng quay trở về với nhân dân¹.

Ngày 11-7-1963, nghe tin địch tràn vào xã An Ninh khi đang một mình làm rẫy, để tranh thủ thời cơ, A Vai vác súng chạy tắt rừng đón đánh địch. Anh chạy về hướng địch đang tiến, chọn chỗ núp tốt, lên cò súng đợi địch. Đợi một lúc không thấy kẻ nào đi qua, biết mình đã đón lằm đường, anh khẩn trương băng rừng đón

1. Xem Đảng bộ huyện A Lưới: *Lịch sử Đảng bộ huyện A Lưới*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1998, tr.89.

đường khác. Sau khi tìm được địa hình thuận lợi nhất, anh bí mật nằm phục, chờ cho toán địch đi đầu vào cách 5m mới nổ súng, diệt tại chỗ 2 tên. Bọn còn lại hoảng hốt xả đạn xối xả vào gốc cây A Vai đang nấp. Đội cây trung liên địch hết băng, A Vai liền nhảy vào bụi rậm, chạy thẳng.

Ngay sau trận trên, A Vai chỉ huy du kích Hồng Bắc bao vây một nhóm địch đang khảo sát vị trí xây sân bay tại khu vực xã An Ninh. Chỉ với vài chục người, trong 7 ngày, đội du kích đã khôn khéo “bao vây” và đánh bại kế hoạch cố thủ - phản công của một tiểu đoàn địch với đủ súng to, súng nhỏ, đồng thời loại khỏi vòng chiến đấu khoảng mấy chục tên¹.

Đêm 27-5-1969, A Vai dẫn một tổ, bò sát đồn A Lưới, kiên trì nằm phục chờ trời sáng khi bọn địch ra sân tập hợp mới đồng loạt nổ súng, bắn chết 3 tên và bắn bị thương một số.

Năm 1965, anh được bầu đi dự Đại hội Anh hùng chiến sĩ thi đua toàn miền Nam tổ chức tại Tây Ninh. Sau đại hội đó, anh được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và vinh dự được Bác đặt tên

1. Xem “Rừng núi diệt thù (Chuyện anh hùng quân đội giải phóng Vai, dân tộc Pa Kôh, Thừa Thiên)”, Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 2-9-1965.

là Hồ Đức Vai. Sau đó, Hồ Đức Vai còn được gặp Bác thêm bốn lần nữa.

Ngày 5-5-1965, Hồ Đức Vai được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba và danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Xã đội trưởng xã Hồng Bắc, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

HÀ VĂN VẤN

Anh hùng Hà Văn Vấn sinh năm 1944, là người dân tộc Tày, quê ở xã Nông Xạ, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái, nay là xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Hà Văn Vấn nhập ngũ vào năm 1965, được biên chế về Đoàn vận tải 559, anh được học lái xe ba tháng ở Trung đoàn xe 265 trước khi trở thành lính lái xe trên đường Trường Sơn¹.

Hàng trăm lần gặp máy bay ném bom, bắn phá, không khi nào Hà Văn Vấn rời tay lái. Mỗi lần xe bị trúng đạn bốc cháy là mỗi lần anh quên mình xông vào lửa cứu xe, cứu hàng. Bao trường hợp hiểm nghèo như xe bị chết máy giữa trọng điểm, máy bay địch đến đánh, hoặc xe bị máy bay bắn thủng lốp, rệ gầm..., anh đều xử lý một cách vừa nhanh nhẹn vừa bình tĩnh.

1. Xem “Huyền thoại về người lái xe Trường Sơn anh hùng”, <http://www.baobackan.org.vn/channel/2262/201307/huyen-thoai-ve-nguoi-lai-xe-truong-son-anh-hung-2252808/>

Đường 9 - Khe Sanh sang Lào (phía tây Trị Thiên) là cung đường mà Hà Văn Vấn và đồng đội lái xe vận chuyển vũ khí, đạn dược, lương thực và thuốc men cho chiến trường. Từ năm 1967 đến năm 1970 là giai đoạn địch đánh phá ác liệt nhất ở chiến trường Quảng Trị. Tuy nhiên, anh liên tục vượt kế hoạch, vượt cung chặng, dừng cảm cứu xe, cứu hàng, chuyển được tới 1.481 tấn hàng ra mặt trận, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trong mùa vận chuyển, mỗi tháng Hà Văn Tấn thường chạy 28 đêm, có tháng chạy cả 30 đêm; trung bình mỗi đêm chạy 100km, có đêm chạy 210km. Năm nào anh cũng đứng đầu binh trạm về vượt cung độ và đạt trên một vạn kilômét an toàn.

Sau mỗi chuyến vận chuyển, Hà Văn Vấn thường bảo dưỡng xe sạch sẽ, đưa xe vào nơi cất giấu để phòng máy bay địch đánh phá. Khi chở hàng đến đích, Hà Văn Vấn thường nhanh chóng chuyển vào kho rồi giúp các đồng chí khác đưa hàng xuống để giải phóng xe.

Trên 100 lần Hà Văn Vấn chữa xe giúp đồng đội trên đường vận chuyển. Ở đoạn đường này người ta thấy Hà Văn Vấn đang cùng vài chiến sĩ nữa chuyển hàng từ xe bạn sang xe mình, vì xe bạn đã bị địch bắn hỏng. Cứ như thế, có đêm tiếp chuyển đến hai lần đưa hàng của xe bạn vào kho. Ở đoạn đường khác, người ta lại thấy anh đang hì

học bóp lại két nước cho xe của bạn, hoặc đem phụ tùng dự trữ của mình ra sửa xe cho bạn. Đến một đoạn đường nữa, hố bom chằng chịt hai bên, đã thấy anh đang cho xe của mình nổ máy âm ỉ kéo xe bạn ra khỏi hố bom. Có đêm, sau khi trả hàng xong, người chiến sĩ lái xe nhiệt tình này đã kéo đến bốn, năm xe như thế. Lần khác, xe bạn và xe anh đều bị đánh thủng lốp, anh lấy lốp dự bị của xe mình lắp cho xe bạn chạy trước rồi lót lại lốp xe cho mình, chạy sau. Vì vậy, bao nhiêu người đã gọi xe của Hà Văn Vấn là “chiếc xe ân tình”¹.

Hà Văn Vấn được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công hạng Ba, 3 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ Quyết thắng. Ngày 1-10-1971, Hà Văn Vấn được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Thượng sĩ, chiến sĩ lái xe ô tô thuộc Đại đội 1 Tiểu đoàn 54, Binh trạm 41, Đoàn 559, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Xem “Chiến sĩ lái xe Hà Văn Vấn”, Báo *Nhân dân*, ngày 19-10-1971.

A VẦU

Anh hùng liệt sĩ A Vầu sinh năm 1930, là người Pa Cô thuộc dân tộc Tà Ôi, quê ở xã Hồng Kim, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

A Vầu tham gia cách mạng từ năm 1955, được giao làm công tác giao liên, rồi cán bộ cơ sở, anh đã nêu cao quyết tâm, dũng cảm, mưu trí và xông xáo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 1955-1956, A Vầu thường xuyên dẫn đường cho cán bộ đi lại từ đồng bằng lên chiến khu, đã bảo đảm 100 chuyển đi an toàn.

Năm 1957-1960, Đảng phát động xây dựng A Lưới thành căn cứ địa cách mạng vững chắc trong toàn tỉnh Thừa Thiên Huế. A Vầu đã tích cực tuyên truyền vận động nhân dân làm bẫy đá, hầm chông để đánh địch, bảo vệ xóm làng. Cùng với đội du kích xã, có lần anh đã mưu trí diệt được 16 tên địch khi chúng đi dọc theo suối A Nôr. Một lần khác, cũng bằng cách đánh thô sơ, A Vầu đã diệt được 50 tên địch, khiến số còn lại phải rút chạy.

Khi địch khủng bố quá mạnh, A Vầu vẫn kiên trì bám địa bàn hoạt động, một mình vừa

chỉ đạo phong trào cách mạng địa phương, vừa trực tiếp làm giao thông liên lạc. Có lần A Vầu đã tổ chức cơ sở bí mật diệt 3 tên địch, thu 2 súng và 3 ba lô có tài liệu mật quan trọng của địch để nộp cho cấp trên.

Tháng 10-1960, địch mở đợt càn quét lớn ở miền núi, không cho nhân dân thu hoạch lúa. Từ hai xã Thượng Vinh, Thượng Hùng, chúng tổ chức đánh phá các vùng xung quanh, tước súng đốt rẫy lúa mùa đang và sắp thu hoạch, đốt phá các làng bản xung quanh căn cứ A Lưới, A So và khủng bố dã man đồng bào. Lần này A Vầu làm nhiệm vụ đưa dân làng đi gặt, anh đi trước để dò tình hình địch. Không ngờ bị địch phục kích, anh chỉ kịp hô lớn cho đồng bào chạy thoát. Địch bắt được anh, sau khi dùng nhiều biện pháp tra tấn dã man mà không khai thác được thông tin gì, chúng quyết định thủ tiêu người chiến sĩ kiên cường. Ngày 10-10-1960, A Vầu đã hy sinh.

Ngày 20-12-1994, A Vầu được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

HOÀNG VĂN VẺ

Anh hùng Hoàng Văn Vẻ sinh năm 1947, là người dân tộc Mường, quê ở xã Thu Cúc, huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ).

Hoàng Văn Vẻ xung phong lên đường nhập ngũ vào tháng 6-1967. Sau những ngày tháng miệt mài luyện tập, đồng chí được điều về phân đội phun lửa của Đại đội 91, Tiểu đoàn 902, Cục Hóa học.

Từ năm 1968 đến năm 1972, Hoàng Văn Vẻ tham gia chiến đấu tại chiến trường Quảng Trị. Tính tới năm 1973, Hoàng Văn Vẻ đã chỉ huy đơn vị diệt và làm bị thương gần 200 tên địch, bắn cháy 8 xe tăng, phá hủy 15 đại liên, 20 nhà bạt. Riêng anh diệt 30 tên, bắn cháy 2 xe tăng, phá hủy 2 đại liên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm 1969, để thu hút và giữ chân địch ở hướng bắc Quảng Trị, tạo thuận lợi cho chiến trường miền Nam, ta đã dụ địch nổ súng trước vào Khe Sanh và ở hầu hết các vị trí của địch trên đường 9. Chuẩn bị bước vào chiến dịch, trên đường 9, địch đóng giữ ba cụm cứ điểm lớn ở

Tà Cơn, Hướng Hóa và Làng Vây. Khoảng 2 giờ sáng ngày 27-4-1969, tổ phun lửa của Hoàng Văn Vẽ được tăng cường để tiêu diệt địch ở Làng Vây. Trong trận chiến này, Hoàng Văn Vẽ dẫn đầu diệt các hỏa điểm để mở đường cho đơn vị xung phong. Gặp ổ đề kháng mạnh, anh bình tĩnh tiếp cận và giương súng lấy cò, một luồng lửa vút lên hàng chục mét thiêu cháy 6 tên địch và 1 một khẩu đại liên. Sau đó, anh lại tiếp tục phát triển vào trung tâm. Khi tiến gần địch, không dùng được súng phun lửa nữa, anh dùng lựu đạn, thủ pháo diệt địch. Kết thúc trận đánh, phân đội phun lửa diệt được 4 ụ súng, 1 ổ chiến đấu, đốt cháy 7 nhà bạt, 1 xe tăng và 22 tên địch¹.

Đáng nhớ nhất là trận đánh “Đồi không tên” năm 1971 cạnh suối Di Nẹ, phía đông Bản Đông, phía nam đồi Mâm Xôi, khu vực cầu Cha Ki, với nhiệm vụ quan trọng là đơn vị phải tổ chức chốt chặn một đoạn đường 9, không để địch rút chạy về Lao Bảo. Đến 12 giờ trưa ngày 18-3-1971, đúng như dự đoán, địch ở Bản Đông rút chạy, lực lượng của ta liên vận động ra mặt đường chặn địch. Tổ phun lửa của Hoàng Văn Vẽ gặp thám báo địch đã phối hợp cùng bộ binh đánh dạt bọn chúng

1. Xem Viện bảo tàng Quân đội Việt Nam: *Những kỷ vật kháng chiến*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2007, t.4, tr.250.

sang bên kia đường để chiếm lĩnh trận địa. Cùng lúc đó, xe cơ giới của địch bắt đầu chạy tới. Khi xe địch chỉ còn cách 5-6m, một chiến sĩ đã phun lửa trùm kín xe và đốt cháy những tên địch ngồi trên, chiếc xe bốc cháy dữ dội. Trước đó, Hoàng Văn Vẻ đã bị một viên đạn của địch bắn sượt qua gáy. Anh chỉ kịp xé băng quần vội rồi cùng một đồng đội áp sát mặt đường. Cùng lúc, một xe M113 của địch lao tới, khi xe địch còn cách khoảng 15m, Hoàng Văn Vẻ lợi dụng chạc cây đặt súng, đứng thẳng người bắn ra ngọn lửa trùm kín, chiếc xe lao lên thêm được mấy mét rồi khựng lại bốc cháy dữ dội, bọn địch trên xe không tên nào thoát chết.

Trận địa âm âm tiếng xe gầm, đạn nổ. Máy bay địch điên cuồng đánh bom yểm hộ cho bọn tàn quân địch tháo chạy. Một xe bọc thép của địch lại tiếp tục lao tới, vừa chạy vừa bắn loạn xạ vào khu vực trận địa của đại đội ta. Hoàng Văn Vẻ bình tĩnh nhằm thẳng và phun một luồng lửa trùm kín chiếc xe bọc thép của địch. Trong phút chốc, chiếc xe bốc cháy ngùn ngụt, đạn trong xe nổ chát chúa.

Súng hết nhiên liệu, Hoàng Văn Vẻ vận động sang vị trí của hai đồng đội đang hì hục chữa súng do một mảnh đạn của địch văng vào làm vênh hệ thống cò lẫy. Kiểm tra lại súng đã sửa xong, Hoàng Văn Vẻ động viên anh em tiếp tục chiến đấu. Xe địch lại lao tới, một chiến sĩ giương súng bóp cò, chiếc xe khựng lại rồi bốc cháy dữ dội. Một quả đạn

cối của địch nổ ngay bên cạnh làm Hoàng Văn Vẻ bị thương. Dầu vậy, anh vẫn băng vết thương và phối hợp với các chiến sĩ bộ binh khác dùng tiểu liên và lựu đạn diệt các tổ địch định đánh lên chốt đại đội của ta. Bọn địch còn sống sót ngoan cố chống cự, Hoàng Văn Vẻ dùng lựu đạn diệt số địch ẩn náu sau xe. Trận đánh kết thúc, tổ của anh đã lập công xuất sắc khi diệt được 57 tên địch, bắn cháy 4 xe M113. Riêng Hoàng Văn Vẻ diệt 24 tên địch và bắn cháy 2 xe tăng¹.

Anh được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, 2 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ quyết thắng, 1 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua, 3 lần được tặng danh hiệu Dũng sĩ. Ngày 20-12-1973, Hoàng Văn Vẻ được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Chuẩn úy, Đại đội phó Đại đội 1 súng phun lửa, Tiểu đoàn 961 Cục Hóa học, Bộ Tổng Tham mưu, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Xem Viện bảo tàng Quân đội Việt Nam: *Những kỷ vật kháng chiến*, Sđd, tr.250-252.

MA VĂN VIÊN

Anh hùng Ma Văn Viên sinh năm 1941, là người dân tộc Tày, quê ở xã Tân Dương, huyện Định Hóa, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên).

Được giao nhiệm vụ nào Ma Văn Viên cũng luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy, hăng say công tác. Khi ở tổ chuyển đá, anh vừa đẩy goòng vừa xúc đá giúp bạn, lại động viên anh em cùng làm, đưa năng suất vận chuyển của tổ lên gần gấp 3 lần chỉ tiêu. Khi ở tổ tiếp phẩm, những chuyến đi tới 2, 3 giờ sáng mới về đối với anh là chuyện bình thường.

Trong những năm 1966-1967, Ma Văn Viên làm Tiểu đội trưởng thuộc Đại đội 12, Tiểu đoàn 4, Trung đoàn công binh 259, Bộ Tư lệnh Công binh, chuyên làm nhiệm vụ khoan đá, đục đường hầm, xây dựng các công trình phục vụ chiến đấu.

Anh vừa làm vừa nghiên cứu phương tiện làm việc, tư thế đứng và cách giữ máy cho hợp lý nhất. Anh để ý thấy mỗi lần nổ thuốc xong, người ta lại phải nghỉ để chờ quạt thông hơi, cào hết đá mới đưa máy khoan vào khoan tiếp. Việc sửa chữa, kê

kích giá khoan cũng mất nhiều thời gian. Sau khi nghiên cứu kỹ, cứ mỗi lần phá đá, chờ kiểm tra an toàn xong, anh lại vác máy khoan đi thẳng luồng với máy quạt hơi để tránh ngạt rồi kê máy làm việc luôn. Bắt đầu mở lỗ khoan, anh luôn giữ cho thân máy thẳng rồi mới mở hơi ra từ từ, vừa khoan vừa xem xét độ nóng của máy để tính toán thời điểm nên dừng. Anh còn rất chú ý việc không để mũi khoan bị gãy hoặc giắt xuống sâu, nhờ đó đã tăng năng suất 150% kế hoạch - đạt kỷ lục cao nhất đơn vị, bảo đảm chất lượng tốt.

Khi đục đá để đánh bộc phá, Ma Văn Viên nghiên cứu rất tỉ mỉ chất đá, từng mạch, từng vĩa, tính toán đục lỗ đặt bộc phá sao cho tiết kiệm thuốc nổ mà sức công phá được mạnh. Anh thường lợi dụng những đồng đá để khoan các lỗ trên cao trước, khi đá xúc đã vơi dần thì tiếp tục khoan các lỗ giữa và lỗ dưới thấp. Bằng nhiều biện pháp sáng tạo, anh đã tăng năng suất lao động lên 300% - năng suất cao nhất trong đại đội, góp phần đưa tiểu đội hoàn thành vượt mức kế hoạch 27% - cao nhất đại đội.

Ma Văn Viên còn xung phong làm nhiệm vụ đổ bê tông - một công việc nặng nhọc, khẩn trương, phải bảo đảm đúng quy trình kỹ thuật, lại tiếp xúc với vôi vữa nóng nực, nhiệt độ cao. Ma Văn Viên thường đến làm việc ở những nơi nóng tới 40-45°C, phải bò nghiêng người mà

chuyển từng xẻng vữa. Anh em chỉ làm việc được 2 giờ đã mệt, anh lại làm liên 6 giờ. Bị vôi vữa ăn đến loét cổ chân, sợ bị cấp trên bắt nghỉ nên anh giấu cán bộ, y tá, ngày đi làm, tối về đun nước tự rửa lấy¹.

Ma Văn Viên được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất, 4 lần được bầu là Chiến sĩ thi đua, được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thưởng huy hiệu của Người. Ngày 25-8-1970, Ma Văn Viên được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Thượng sĩ, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Xem “Luôn xốc tới (Gương hạ sĩ Ma Văn Viên, chiến sĩ Quyết thắng, đơn vị X công binh)”, Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 10-10-1968.

NÔNG VĂN VIỆT

Anh hùng Nông Văn Việt sinh năm 1938, là người dân tộc Tày, quê ở xã Phong Châu, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Tháng 4-1962, Nông Văn Việt nhập ngũ. Ngày 7-2-1965, lần đầu tiên Mỹ thả bom bi xuống vùng Nậm Mật (chiến trường Lào). Khi những quả bom bi đầu tiên xuất hiện, Nông Văn Việt được giao nhiệm vụ nghiên cứu cách rà phá bom bi. Sau khi lấy dây thép gai buộc vào sào chà đi, xát lại trên mặt bom vẫn không thấy nổ, anh mạnh bạo trực tiếp cầm quả bom để xem xét, cuối cùng, quyết định ném quả bom xuống một tảng đá. Khi đập vào tảng đá cứng, quả bom liền phát nổ. Qua nhiều lần nghiên cứu, anh rút ra kết luận: bom có va chạm mạnh, đụng vào kim hỏa thì mới nổ, và do đó nó có thể tháo được. Nông Văn Việt đem hai quả ra chỗ vắng người để tháo thử, tìm ra cấu tạo và cách tháo gỡ bom bi an toàn. Có lúc đang hí hoáy thì nghe thấy tiếng ro ro như tiếng ve kêu báo hiệu quả bom sắp nổ. Khi

đấy, người bình thường có thể hoảng sợ tột độ mà ném ngay ra chỗ khác. Nhưng Nông Văn Việt sợ ném đi thì có thể trúng phải những người xung quanh, liền gan góc nắm chặt quả bom trong tay và tìm cách khống chế nó. Cứ như thế, anh đã tìm ra cách phá những quả “bom dứa”¹ này, phổ biến kinh nghiệm cho các đơn vị và nhân dân.

Ngày 14-4-1965, địch thả gần 100 quả bom nổ chậm ngay xuống vùng Huôi khiến công việc làm đường phải đình lại, xe bị ùn tắc kéo dài. Phụ trách một tổ 3 người vào trinh sát và phá bom, Nông Văn Việt chủ động đến trước nằm theo dõi bom nổ, phán đoán nắm được giờ an toàn, sáng hôm sau mới đưa anh em vào trinh sát. Qua điều tra phân định được khu vực an toàn và báo cho công trường tiếp tục làm việc, Nông Văn Việt phân công cảnh giới và dẫn một đồng chí trong tổ trực tiếp vào phá bom. Có quả bom chui sâu, phá theo cách thông thường sẽ tốn nhiều thời gian, anh quyết định đào hố chui xuống trước xem xét rồi tự mình đem bộc phá xuống phá. Với tinh thần dũng cảm, kiên trì, tổ của Nông Văn Việt đã hoàn thành nhiệm vụ xuất

1. Bom bi thả xuống Nậm Mật hồi ấy còn được gọi là “bom dứa” vì hình dạng nó giống quả dứa. Ở những nơi khác, tùy vào hình dạng của bom bi mà người ta có thể gọi chúng là “bom ổi” hay “bom quả cam”.

sắc, giải phóng được toàn bộ khu vực có bom nổ chậm, bảo đảm cho đơn vị bạn trở lại làm việc bình thường, giao thông thông suốt.

Nông Văn Việt đã được tặng thưởng một Huân chương Chiến công hạng Ba. Ngày 1-1-1967, Nông Văn Việt được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Thượng sĩ, Trung đội trưởng thuộc Đại đội 6, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 7 Bộ Tư lệnh công binh, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

NÔNG VĂN VƯƠNG

Anh hùng Nông Văn Vương sinh năm 1930, là người dân tộc Tày, quê ở xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, nhập ngũ tháng 6-1946. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Chính trị viên phó đại đội bộ binh thuộc Sư đoàn 316, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ khi nhập ngũ đến tháng 7-1954, Nông Văn Vương đã tham gia chiến đấu trên địa bàn Việt Bắc và Tây Bắc. Gần 9 năm tham gia chiến đấu, Nông Văn Vương đã diệt 55 tên địch, bắt 9 tên.

Trong trận đánh đồn Bình Liêu, Móng Cái (tháng 10-1951), lúc tổ bộc phá đã phá được mấy hàng rào ngoài, địch tập trung hỏa lực bắn ra hướng cửa mở rất dữ dội, một số đồng đội xông lên làm nhiệm vụ đã hy sinh, không ngần ngại, Nông Văn Vương xung phong ôm bộc phá lên phá nốt hàng rào, rồi lại ôm bộc phá lên ấn vào lỗ châu mai lô cốt đầu cầu. Địch đẩy ra, anh ném lựu đạn qua lỗ châu mai và đẩy tiếp bộc phá vào phá tung lô cốt, diệt 7 tên. Bị sức ép của bộc phá, anh ngắt

đi, ít phút sau tỉnh dậy lại tiếp tục theo đơn vị chiến đấu. Vì lực lượng ta ít nên bọn địch chống trả quyết liệt suốt từ 6 giờ đến 12 giờ. Biết địch dồn vào khu vực lô cốt chính ở giữa đồn để cố thủ chờ tiếp viện, Nông Văn Vương xung phong ôm khối bộc phá 15kg vượt qua lưới đạn dày đặc của địch, nhanh chóng phá sập lô cốt chính, diệt 20 tên, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị xông lên diệt gọn đại đội địch, làm chủ trận địa.

Trận Cầu Ngà, Bắc Ninh (năm 1952), Nông Văn Vương phụ trách tổ đi đầu làm nhiệm vụ phá lô cốt. Khi có lệnh nổ súng, hai đồng chí phá hàng rào bị thương, Nông Văn Vương lên thay và phá tung luôn hai hàng rào, rồi cùng đồng đội lên đánh lô cốt cao. Trong lúc đồng đội đang loay hoay vì đồng chí vác thang đã bị thương ở bên ngoài, không nê nguy hiểm, Nông Văn Vương nhờ đồng đội công kênh lên để đặt bộc phá. Địch bắn bị thương nhưng anh vẫn kiên quyết ở lại hướng dẫn anh em giải quyết xong trận đánh mới chịu để bộ phận tải thương đưa ra¹.

Nông Văn Vương đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 1 Huân chương Chiến công hạng Ba, 5 lần được đại đoàn, trung đoàn khen thưởng và là Chiến sĩ thi đua của sư đoàn.

1. Xem Phạm Gia Đức và cộng sự: *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Sđd*, t.9, tr.70.

Ngày 7-5-1956, Nông Văn Vương được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba và danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân¹.

1. Xem Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương: *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Sđd, t.I, tr.280.

VŨU

Anh hùng VũU sinh năm 1905, là người dân tộc Bana, quê xã Đắc Đoa, huyện Mang Yang (nay là xã Đắc Sơ Mei, huyện Đắc Đoa), tỉnh Gia Lai. Khi hy sinh, đồng chí là Chủ tịch kiêm Xã đội trưởng xã Đắc Đoa, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam¹.

Cách mạng Tháng Tám thành công, VũU hăng hái tham gia xây dựng chính quyền. Tháng 6-1946, Pháp đánh chiếm Kon Tum, anh bị mất liên lạc với tổ chức từ đó. Hơn hai năm mất liên lạc, anh vẫn chủ động, tích cực, bí mật làm công tác tuyên truyền vận động quần chúng. Tháng 3-1949, đội tuyên truyền vũ trang về địa phương, VũU bắt liên lạc được với đội và tiếp tục hoạt động.

1. Theo Phạm Gia Đức, Phạm Lam, Lê Hải Triều, Lê Đại Hiệp (Biên soạn): *Anh hùng lực lượng vũ trang (Các dân tộc thiểu số Việt Nam)*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1996, tr.43 thì Anh hùng VũU sinh tại xã Nam Đắc Đoa, huyện Plây Kông.

Một lần, trong lúc đang đi tuyên truyền vận động nhân dân, Vừ bị địch bắt. Chúng đánh đập tàn nhẫn và giải anh về Đắc Đoa. Không khai thác được điều gì chúng đành phải giải anh lên Kon Tum nộp cho cấp trên. Nửa đường, nhân lúc chúng sơ hở, anh chạy vào rừng trốn thoát, sau lại về quê tiếp tục hoạt động¹.

Tháng 8-1950, Vừ làm Chủ tịch xã. Một hôm, anh đi công tác về thì bị địch xuyên rừng ập đến bao vây bắt được. Chúng dùng báng súng giáng tới tấp vào người rồi lấy dao nhọn rạch nát da thịt anh nhưng anh nhất mực không khai. Chúng bắt anh đi theo lòng sục ở chiến khu để nhận mặt cán bộ. Gần đến nơi, Vừ kêu to báo động để sáu cán bộ của ta nghe động trốn thoát. Địch xô vào lòng sục, nhân lúc lộn xộn anh lại trốn thoát vào rừng.

Tháng 4-1952, trong khi đi công tác, Vừ lại bị địch phục kích bắt được. Lần này chúng tra tấn đủ mọi cực hình: cắt 2 tai, chặt 10 ngón tay, xẻo mũi, nhưng anh vẫn nêu cao khí tiết người chiến sĩ cách mạng không hề khai báo mà nói thẳng vào mặt chúng: “Chúng mày có giết tao thì trăm ngàn người như tao sẽ giết chúng mày!”. Cuối cùng, biết thế nào mình cũng chết, anh đã dùng mưu

1. Xem <http://trianlietsi.vn/new-vn/Trang-vang-liet-si/1560/anh-hung-liet-si-vuu.vhtm>.

lừa địch: dẫn bọn chúng đến nơi trước đây anh đã cùng dân quân du kích bố trí hầm chông, nói là chiến khu bí mật của ta. Bọn địch sục vào bị sập hầm chông, chết và bị thương hàng chục tên. Chúng điên cuồng dùng dao khoét 2 mắt, bắn chết anh rồi vứt xác xuống sông.

Năm 1953, trong Đại hội liên hoan chiến sĩ thi đua Liên khu 5, Vườu được tuyên dương công trạng toàn Liên khu.

Ngày 7-5-1956, Vườu được Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa truy tặng Huân chương Quân công hạng Nhì và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân¹.

1. Xem Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương: *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Sđd, t.I, tr.281.

A XÂU

Anh hùng A Xâu sinh năm 1944, là người dân tộc Hrê, quê ở xã Đắc Phèng, huyện 40 (nay là xã Đắc Blô, huyện Đắc Glei), tỉnh Kon Tum.

Những năm 1959-1960, A Xâu tham gia vào đội du kích xã, làm nhiệm vụ cảnh giới chống địch càn quét, bảo vệ buôn làng. Tháng 1-1963, A Xâu chính thức nhập ngũ, anh đã được điều động về công tác tại Đại đội đặc công 207 (tiền thân của Tiểu đoàn đặc công 406 tỉnh).

Trong suốt những năm tháng cầm súng chiến đấu, A Xâu tham gia đánh hàng trăm trận và lập được nhiều chiến công xuất sắc.

Trong trận đánh ban ngày vào ấp Bờ Rao (năm 1965), ta đang mở rào thì bị lộ, địch bắn ra dữ dội. Nhận định tình hình nếu chần chừ thì anh em sẽ bị thương vong nhiều, A Xâu nảy ra sáng kiến ném bộc phá phá tung ba lớp rào, tạo điều kiện cho đơn vị lao nhanh vào ấp diệt gọn 89 tên địch, giải phóng hàng trăm đồng bào trong ấp.

Một đêm cuối tháng 4-1966, A Xâu cùng đồng đội tập kích tiêu diệt gọn một trung đội công

binh Mỹ tại cầu Đắc Cấm khi chúng đang tập trung làm cầu. Trận đánh diễn ra nhanh gọn trong vòng hơn 10 phút đồng hồ, ta không hề hao tổn. Cuối tháng 2-1967, tổ đặc công gồm 3 người do A Xâu làm tổ trưởng bám đánh lính Mỹ đổ bộ xuống đồi Ngok Réo. Bằng sự dũng cảm, mưu trí, tổ của A Xâu đã diệt 12 tên Mỹ và trở về căn cứ an toàn. Sau trận đánh, A Xâu được tặng danh hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ”¹.

Một lần khác mà A Xâu lập thành tích xuất sắc trong trận đánh bọn quân cảnh ngụy trong khu Nguyễn Huệ ở thị xã Kon Tum, sâu trong vùng kiểm soát của địch. Lúc đó, các chiến sĩ trong đơn vị đã luồn qua 9 lớp rào mà vẫn chưa phát hiện được địch. Trời tối, biết kẻ thù đã thay đổi chỗ ở, A Xâu xung phong đi trước nắm tình hình. Sau khi vượt qua 6 hàng rào nữa, thấy bọn địch đang mắc màn, tựa súng nằm rải rác trong những gian nhà gạch thấp, anh ngay lập tức trở ra dẫn đơn vị vào. Bị đánh bất ngờ bằng lựu đạn, thủ pháo và tiểu liên, 120 tên quân cảnh chết mà không kịp trở tay. Ta phá hủy được 2 xe cơ giới và thu nhiều vũ khí. Trong trận này, riêng A Xâu dùng lựu đạn diệt hết địch trong ba nhà ngủ.

1. Xem Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: *Chân dung các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Kon Tum, Sđd*, tr.372.

Hết lượt đạn, anh nhặt ngay lượt đạn của địch ném vào. Đến lúc đơn vị rút ra, thấy còn một chiếc xe chưa ai phá, anh lấy luôn mìn của địch phá hủy chiếc xe. Vừa hành động xong, thấy 2 tên địch chạy qua, anh mượn khẩu súng của đồng đội diệt nốt cả 2 tên rồi mới chạy theo đơn vị ra ngoài an toàn¹.

Đặc biệt trong trận đánh vào thị xã Kon Tum Tết Mậu Thân (1968), A Xâu đã nêu cao tinh thần chiến đấu anh dũng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong tình huống cực kỳ gay go ác liệt. Lúc bấy giờ, anh làm Đại đội phó Đại đội 207, chịu trách nhiệm chỉ huy mũi tiến công vào Ty Cảnh sát Kon Tum. Theo sự hướng dẫn của các cô gái chỉ đường, A Xâu đã cùng đồng đội len theo những lối đi bí mật thọc sâu vào tiểu khu quân sự trong thị xã. Nghe thấy tiếng nổ của bộc phá - ám hiệu ra lệnh nổ súng - đội lên gần đó, đội của A Xâu cũng cho nổ liên tiếp những gói bộc phá lớn và triển khai tiếp cận tiêu diệt địch. Ngay khi địch còn chưa kịp cầm súng thì súng của A Xâu và các chiến sĩ đã bắn vào những tên cố vấn Mỹ và bọn cầm đầu đơn vị bảo an nguy².

1. Xem “A Xâu đã đánh là giặc không kịp trở tay”, Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 17-21-1971.

2. Xem “Dũng sĩ A Xâu”, Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 17-8-1968.

Mũi tiến công do anh chỉ huy phát triển rất nhanh, trong vòng 30 phút đã làm chủ một góc tiểu khu Kon Tum, diệt 40 tên địch, 1 lô cốt. Sau khi phát triển sang khu cảnh sát và diệt hết địch trong ba dãy nhà thì trời sáng. Địch phản công điên cuồng, phân đội của anh bị hao tổn từ 10 người chỉ còn 7 người, rồi 5 người, lại bị cắt đứt liên lạc với đại đội. A Xâu phải chỉ huy anh em độc lập tác chiến tại khu cảnh sát rồi phát triển sang khu chợ. Tình huống ngày càng trở nên nguy hiểm khi các đơn vị của ta ở xung quanh bị địch triệt tiêu dần, tổ của A Xâu rơi vào giữa gọng kìm, “tứ bề thọ địch”. Đến sáng, địch tổ chức phản kích. Lúc này mũi do A Xâu phụ trách chỉ còn có 4 người. Trước sức tiến công của gần một đại đội địch, anh động viên anh em quyết tâm cùng chiến đấu, đánh tan đợt phản kích đầu tiên của địch. Đợt phản kích thứ hai, địch chia làm nhiều mũi bao vây rồi áp dần vào trận địa ta, dùng lực đạn tiến công. Bấy giờ cả tổ chỉ còn 3 người, A Xâu động viên anh em quyết sống mái với quân thù, nhặt lực đạn ném trả tiêu diệt địch. Không tiến được thêm, địch gọi trực thăng rải bom xăng đốt cháy chợ, 3 chiến sĩ dù thương tích đầy mình vẫn kịp chạy sang vị trí khác.

Sau khi phá vỡ một mũi tiến công nữa của đại đội ta, địch củng cố lực lượng và tiến công lần thứ ba vào tổ của A Xâu. Chúng tập trung lực đạn

đồng loạt ném vào các ụ chiến đấu làm 2 đồng chí hy sinh tại chỗ. Chỉ còn lại một mình, thấy lựu đạn bay đến tới tấp, anh nằm xuống, nhanh nhẹn dùng tay và chân gạt chúng ra xa. Lựu đạn nổ cách anh một vài mét, khói mù mịt bốc lên. Tưởng các chiến sĩ của ta đã chết hết, bọn địch ùa vào xem xét. A Xâu bình tĩnh chờ chúng đến gần rồi bất ngờ nổ súng. Nhiều tên bị diệt, bọn còn lại hoảng sợ tháo chạy. Lúc đó trời đã tối, địch phải rút ra khỏi khu chợ và bao vây bên ngoài.

Sáng hôm sau, địch tổ chức đợt phản kích thứ tư với sự tham gia của bọn biệt kích “Lôi hổ” khét tiếng. A Xâu vẫn ngoan cường trụ bám chiến đấu và diệt thêm nhiều tên địch. Bất chấp việc bị thương ở vai và má phải, anh vẫn nhanh nhẹn gạt hoặc ném trả lại những quả lựu đạn bay đến - cho đến thời điểm này tổng cộng phải đến hơn 100 quả¹. Một tên địch bò đến gần, gương tiểu liên bắn vào chỗ A Xâu đang đứng ném trả lựu đạn. Khi thấy A Xâu ngã vật xuống, địch hò nhau vào bắt sống. Tên chỉ huy lao vào trước, A Xâu vừa thấy hấn ló đầu vào cổng liền nổ súng. Bị đạn găm vào ngực, tên chỉ huy chết ngay tại chỗ, những tên cấp dưới thấy vậy hốt hoảng chạy giạt ra bên ngoài. A Xâu nhặt lựu đạn và tập trung

1. Xem “A Xâu đã đánh là giặc không kịp trở tay”, *Tlđđ*.

súng lại, củng cố trận địa và tiếp tục chiến đấu, vừa di chuyển vừa bắn tỉa địch. Sau đợt tiến công thứ sáu, địch không dám tiến lên vì sợ lại một lần nữa rơi vào bẫy. Chúng kéo nhau chuồn về các lô cốt đợi thời cơ. Lợi dụng đêm tối, anh thoát ra khỏi chợ, rút qua đường 14 và được người dân, đồng đội đưa về căn cứ an toàn.

Sau hai ngày ba đêm diệt địch ở tiểu khu Kon Tum, khu cảnh sát và đánh bật sáu đợt phản kích của địch tại khu chợ, tổ của A Xâu đã hoàn thành nhiệm vụ. Riêng A Xâu diệt 30 tên tại khu chợ, chưa kể ở tiểu khu và ty cảnh sát, lập chiến công vang dội. Chiến công hiển hách này đã giúp A Xâu được phong quân hàm Thiếu úy, Đại đội trưởng Đại đội 207.

A Xâu đã được tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất và được bầu là Chiến sĩ thi đua toàn tỉnh. Ngày 20-12-1969, A Xâu được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Đại đội phó thuộc Tiểu đoàn 406 đặc công bộ đội địa phương tỉnh Kon Tum, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

ĐÌNH VĂN XẾP

Anh hùng lao động Đình Văn Xếp sinh năm 1921, là người dân tộc Mường, quê ở xã Yên Lương, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Trong phong trào tổ đổi công hợp tác xã của tỉnh Phú Thọ, xã Yên Lương nhiều năm liền là ngọn cờ đầu. Với vai trò là Bí thư chi bộ, Đình Văn Xếp đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, lãnh đạo nhân dân trong xã đi theo con đường làm ăn tập thể. Anh có tác phong làm việc khoa học và khẩn trương, miệng nói, tay làm, sâu sát quần chúng và đồng ruộng. Anh cũng mạnh dạn áp dụng kỹ thuật vào sản xuất, đồng thời tích cực cải tiến kỹ thuật và tổ chức lao động trong xã, khắc phục được tình trạng hạn hán trong trồng trọt.

Nhờ một phần sức công sức của Đình Văn Xếp, trong năm 1956, sản lượng sản phẩm của xã Yên Lương đã tăng 72%. Năm 1957, sản lượng tăng lên thêm 45%. Anh đã góp sức xây dựng Yên Lương trở thành xã có thành tích thi đua xuất sắc của tỉnh Phú Thọ, đồng thời là xã tiêu biểu trong

phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới ở miền Bắc nước ta.

Anh được tặng thưởng 1 Huân chương Lao động hạng Nhất, 2 năm liên tục là Chiến sĩ thi đua. Ngày 7-7-1958, Đinh Văn Xếp được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, Bí thư chi bộ xã Yên Lương.

TRIỆU TIẾN XUÂN

Anh hùng Triệu Tiến Xuân sinh năm 1947, là người dân tộc Dao, quê ở xã Đức Xuân, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Năm 1966, Triệu Tiến Xuân tòng quân đánh giặc. Được xếp vào binh chủng pháo binh, Triệu Tiến Xuân bắt đầu quá trình học hỏi, tập luyện gian khổ để trở thành một người điều khiển pháo giỏi.

Từ năm 1967 đến cuối năm 1968, Triệu Tiến Xuân chiến đấu tại Quảng Trị, trực tiếp tham gia đánh nhiều trận vào các cứ điểm, kho tàng của địch ở bờ nam sông Bến Hải. Tính đến năm 1971, Triệu Tiến Xuân đã góp phần cùng đại đội diệt gần 500 lính Mỹ, phá hủy 7 máy bay và nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Ngày 6-3-1968, đơn vị tập kích địch ở Hà Thôn, Triệu Tiến Xuân vừa làm pháo thủ số 1, vừa làm pháo thủ số 3, vẫn thao tác kịp thời, hiệp đồng chặt chẽ cùng đồng đội bắn chính xác vào mục tiêu. Khi máy bay, pháo binh địch đánh vào

trận địa, dù phải chịu sức ép nặng, anh vẫn cố gắng giữ vững vị trí chiến đấu. Khi được lệnh bắn gấp, Triệu Tiến Xuân đã nạp liên tục 34 quả đạn (lúc bình thường chỉ nạp liên tục được 8 quả), góp phần tích cực cùng khẩu đội phát huy hỏa lực mạnh mẽ, bắn trúng kho đạn của địch, cháy suốt 6 giờ liền.

Trong trận đánh căn cứ Đông Hà - căn cứ lớn nhất của Mỹ và tay sai ở tuyến phòng thủ đường 9, sở chỉ huy yêu cầu pháo binh bắn phá những mục tiêu trọng điểm trong căn cứ, Đại đội 3 pháo binh của Triệu Tiến Xuân được giao nhiệm vụ quan trọng này. Thời gian gấp, Triệu Tiến Xuân đề nghị tổ chức đào công sự cả ngày lẫn đêm, đồng thời góp ý kiến về cách ngụy trang sao cho địch trong căn cứ không phát hiện được.

Ngày 20-6-1968, khẩu đội của Triệu Tiến Xuân bắn vào căn cứ Đông Hà. Khi đó, mỗi khẩu đội chỉ có 2 pháo thủ, ít hơn nhiều so với bình thường. Tuy chỉ có 2 người đảm đương nhiệm vụ của tất cả pháo thủ nhưng không vì thế mà thao tác chậm, hiệp đồng chệch choạc. Triệu Tiến Xuân vừa nhanh nhẹn mà cũng rất bình tĩnh nạp đạn. Khẩu đội bắn khá chính xác, rót trúng mục tiêu ngay từ loạt đầu. Thấy kho đạn và kho xăng trúng pháo phát nổ, địch vội vàng tập trung súng bắn trả lại. Cả máy bay phản lực và đại bác tầm xa của Mỹ dồn dập trút bom vào khu vực đặt pháo

của quân giải phóng. Bất chấp hiểm nguy, từng đợt từng đợt theo lệnh của sở chỉ huy, Triệu Tiến Xuân vẫn lao đạn, ấn cò, động viên đồng đội bình tĩnh cùng mình làm nhiệm vụ. Phía trước, căn cứ Đông Hà cháy lớn, nhiều ngọn lửa phụt lên cao.

Trời tối dần, anh em trong khẩu đội được chỉ thị về nghỉ ở tuyến sau, Triệu Tiến Xuân được phân công ở lại trực pháo. Đến 10 giờ đêm, khẩu đội nhận được lệnh bắn gấp, anh em lên chưa kịp, một mình Triệu Tiến Xuân vẫn nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh. Anh lấy giẻ tẩm dầu buộc vào điểm dậu phụ rồi đốt lên làm điểm ngắm. Một mình xoay xỏa, lúc quay nòng pháo thấp xuống để nạp đạn, lúc lại quay nòng pháo lên lấy phân tử bắn trên kính ngắm. Tín hiệu bắn phát ra, anh nhấn tay thật mạnh vào lẫy cò và lặp lại thao tác. Sau khi bắn xong nhiều phát đạn, anh lần đường tránh các quả bom chờ nổ mà Mỹ thả xuống để về tuyến dự bị. Đến 2 giờ sáng lại có lệnh bắn, Triệu Tiến Xuân tình nguyện xin ra trận địa. Bây giờ chỉ cần bắn có một khẩu, chỉ huy cử thêm một pháo thủ nữa đi theo phối hợp. Đến bên khẩu pháo, hai người hợp sức bắn được hai trái đạn thì pháo địch bắn trả tới tấp. Mặc kệ những quả đạn lao tới, hai pháo thủ dũng cảm vẫn bình tĩnh bắn bằng hết số đạn rồi mới trở về.

Tính chung trong một ngày một đêm, Triệu Tiến Xuân đã góp phần cùng khẩu đội và đại đội

diệt gần 400 tên Mỹ. Đạn pháo rơi trúng sở chỉ huy Sư đoàn lính thủy đánh bộ số 3 của Mỹ, vào trận địa pháo 105 ly và 155 ly, phá hủy và đốt cháy 7 máy bay, 100 xe quân sự, đốt cháy và làm kích nổ dây chuyền 11 kho xăng, dầu và kho đạn¹.

Với các thành tích đạt được, Triệu Tiến Xuân được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, 2 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ quyết thắng. Ngày 20-9-1971, đồng chí được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Hạ sĩ, pháo thủ số 1, thuộc Đại đội 3 pháo 130, Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 204, Bộ Tư lệnh Pháo binh, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Xem “Một pháo thủ xuất sắc (Chuyện Anh hùng Triệu Tiến Xuân, pháo thủ số 1, đơn vị pháo binh, bộ đội chủ lực đường 9)”, Báo *Nhân dân*, ngày 20-12-1971.

LƯƠNG VĂN XUÂN

Anh hùng Lương Văn Xuân sinh năm 1959, là người dân tộc Thái, quê ở xã Lũng Cao, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Anh nhập ngũ và công tác tại Đại đội 7, Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 209, Sư đoàn 7, Quân đoàn 4.

Sau khi nhập ngũ, từ tháng 8-1978 đến tháng 8-1980, Lương Văn Xuân tham gia chiến đấu ở chiến trường Tây Nam. Anh đã tham gia 30 trận đánh, tiêu diệt 27 tên địch, bắt sống 3 tên, thu hồi 14 khẩu súng các loại.

Ngày 20-11-1978, đơn vị Lương Văn Xuân gặp phải sự kháng cự quyết liệt của địch, chúng triển khai hỏa lực mạnh khiến quân ta bị thương vong, không phát triển tấn công được. Trước tình thế căng thẳng, Lương Văn Xuân bình tĩnh quan sát trận địa, nhận thấy vị trí thuận lợi để tấn công tiêu diệt địch, anh chủ động đề xuất ý kiến vượt qua cánh đồng trống chiếm địa hình có lợi để kiềm chế và thu hút hỏa lực địch, tạo thuận lợi cho đơn vị xung

phong tiêu diệt gọn địch. Riêng anh tiêu diệt 3 tên, thu 2 súng.

Ngày 20-2-1979, khi triển khai lực lượng đánh địch ở khu vực đông nam thị xã Kông Pông Xư, đơn vị Lương Văn Xuân bị thương vong một số. Anh bình tĩnh điều thương binh xuống chiến hào rồi cầm vũ khí xông ra chặn địch. Anh đã mưu trí, dũng cảm di chuyển và sử dụng nhiều loại vũ khí để tiêu diệt quân địch. Kết quả trận này ta đã bẻ gãy 5 đợt tấn công của địch, giữ vững trận địa, bảo vệ an toàn thương binh. Riêng Lương Văn Xuân đã tiêu diệt 14 tên địch, thu hồi 4 khẩu súng.

Với những thành tích đã đạt được, Lương Văn Xuân được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 6 bằng khen và giấy khen, 2 lần được tặng danh hiệu Dũng sĩ giữ nước. Ngày 28-8-1981, Lương Văn Xuân được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Khi được tuyên dương Anh hùng, Lương Văn Xuân là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Thượng sĩ, Trung đội phó bộ binh, Đại đội 7, Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 209, Sư đoàn 7, Quân đoàn 4.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương: *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, t.I; 2002, t.II.
2. Phạm Huy Dương, Phạm Bá Toàn: *Đại thắng mùa xuân 1975: Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
3. Đảng bộ huyện A Lưới: *Lịch sử Đảng bộ huyện A Lưới*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1998.
4. Trần Bạch Đằng: *Chung một bóng cờ: Về Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
5. Nguyễn Mạnh Đầu (Chủ biên): *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, t.2; 1994, t.3; 1995, t.5; 1995, t.6.
6. Phạm Gia Đức, Lê Hải Triều, Phạm Lam, Lê Đại Hiệp (Biên soạn): *Anh hùng lực lượng vũ*

- trang nhân dân (Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam)*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1996.
7. Phạm Gia Đức và cộng sự: *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002, t.9.
 8. Nhiều tác giả: *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Quân khu 1*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994.
 9. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: *Chân dung các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Kon Tum*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.
 10. Bảo tàng Quân đội Việt Nam: *Những kỷ vật kháng chiến*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2007, t.4.
 11. Báo *Nhân dân*, báo *Quân đội nhân dân*, báo *Công an nhân dân*, báo *Bình Định*, báo *Cà Mau*,...
 12. Một số trang web: thanhnien.vn, vtc.vn, tuoitre.vn, baoyenbai.com.vn, trianlietsi.vn, baocaobang.vn, baobinhding.com.vn, vnmilitaryhistory.net, baobinhthuan.com.vn, repository.vnu.edu.vn,...

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
- Vàng Lý Tả	11
- Lộc Viễn Tài	13
- Thanh Minh Tám	16
- Pi Năng Tắc	18
- Hoàng Văn Tám	22
- Nguyễn Văn Tấn	24
- Triệu Xuân Tâng	26
- Tào Văn Tem	28
- Hà Văn Thanh	30
- Bế Văn Thành	33
- Giàng A Thào	35
- Quách Văn Thấm	37
- Trịnh Trọng Thập	39
- Thạch Thia	41
- Lý Văn Thím	44
- Hoàng Văn Thọ	47
- Mai Ngọc Thoảng	50
- Nguyễn Văn Thoát	54

- Puih Thu	57
- Dương Đức Thùng	60
- Hoàng Văn Thương	63
- Đinh Tía	68
- Bàn Hồng Tiên	70
- La Văn Tiến	72
- Sơn Ton	74
- Bo Bo Tới	77
- Hoàng Văn Trai	79
- A Tranh	83
- Kăn Tréc	86
- Cu Tríp	88
- Đinh A Troi	89
- Lộc Văn Trọng	92
- Cầm Bá Trùng	94
- Phạm Minh Tư	97
- Danh Thị Tươi	100
- Lâm Tương	102
- Lục Vĩnh Tường	105
- Đinh Tỷ	108
- Tạ Quang Tỷ	110
- Hồ Đức Vai	115
- Hà Văn Vấn	119
- A Vầu	122
- Hoàng Văn Vẻ	124
- Ma Văn Viên	128
- Nông Văn Việt	131
- Nông Văn Vương	134
- Vừu	137

- A Xâu	140
- Đinh Văn Xếp	146
- Triệu Tiến Xuân	148
- Lương Văn Xuân	152
<i>Tài liệu tham khảo</i>	154

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. CHU VĂN KHÁNH
ThS. PHẠM NGỌC BÍCH

Trình bày bìa: PHẠM DUY THÁI

Chế bản vi tính: NGUYỄN QUỲNH LAN

Sửa bản in: PHẠM MINH THÚY

Đọc sách mẫu: PHẠM NGỌC BÍCH

TÌM ĐỌC SÁCH

PGS. TS. Nguyễn Ngọc Thanh (Chủ biên)
ANH HÙNG NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ (TẬP 1, 2)

Phạm Trường Khang (Biên soạn)
KỂ CHUYỆN CÁC SỨ THẦN VIỆT NAM

Đảng ủy Bộ Tư lệnh Quân khu 9
TIỂU ĐOÀN 307 TRONG KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1948 - 1954)



8935211187801

ISBN 978-604-57-2833-8



9 786045 728338

SÁCH KHÔNG BÁN